

Số: 540 /BC-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2018

**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện Nghị quyết số 43/2017/QH14 về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2016-2020**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
<b>ĐẾN</b>	Giờ: ... S .....
	Ngày: 13/11/2018.

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết số 43/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2016-2020, ngày 28/2/2018 Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành văn bản số 278/TTg-KGVX phân công các bộ, ngành và địa phương thực hiện Nghị quyết số 43/2017/QH14 về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2016-2020. Chính phủ báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về ATTP đến 9 tháng đầu năm 2018 như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN****1. Hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thực phẩm**

Về dự kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật an toàn thực phẩm, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế phối hợp với các bộ, ngành liên quan hoàn thiện Báo cáo đánh giá 5 năm thi hành Luật An toàn thực phẩm. Sau khi có báo cáo đánh giá, Chính phủ đã tổ chức cuộc họp có sự tham dự của các bộ, ngành liên quan: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và PTNT, Tư Pháp, Khoa học và công nghệ.... Trên cơ sở ý kiến của các bộ, ngành tại buổi họp, Chính phủ đã thống nhất giao Bộ Y tế chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu một cách kỹ lưỡng các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm để đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật an toàn thực phẩm khi đủ điều kiện, bảo đảm tính khả thi.

Chính phủ đã ban hành Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, cắt giảm điều kiện kinh doanh lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nghị định này đã cắt giảm 30/32 điều kiện kinh doanh (bãi bỏ 19 điều kiện kinh doanh, sửa đổi 11 điều kiện kinh doanh).

Trong năm 2017, đã có 22 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ATTP do các cơ quan Trung ương ban hành, trong đó 01 văn bản của Quốc hội (Luật Thủy sản

ngày 21/11/2017), 8 Nghị định của Chính phủ, 01 Thông tư của Bộ Y tế, 09 Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 03 Thông tư của Bộ Tài chính.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, đã có 21 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ATTP do các cơ quan Trung ương ban hành trong đó có 10 Nghị định, 02 Quyết định của Chính phủ, 03 Thông tư của Bộ Y tế, 06 Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ngoài ra Bộ Y tế đã tham mưu trình Chính phủ ban hành 01 Nghị quyết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình Chính phủ ban hành 01 Chỉ thị (*Danh mục kèm theo Phụ lục I*).

Đáng chú ý là Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 thay thế Nghị định số 38/2012/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, đây là một chính sách lớn của Chính phủ tạo bước đột phá, thay đổi căn bản phương thức quản lý thực phẩm, tiếp cận phương thức quản lý của thế giới, tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp nhưng đồng thời cũng tăng trách nhiệm của doanh nghiệp đối với an toàn của thực phẩm do mình sản xuất. Với quy định của Nghị định 15/2018/NĐ-CP, chỉ riêng việc doanh nghiệp được quyền tự công bố sản phẩm đối với đa số nhóm sản phẩm hàng hóa (>90%) và thay đổi phương thức kiểm tra chuyên ngành, theo Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương cũng đã tiết kiệm được 7.754 ngày công và 3.107,5 tỷ đồng. Nghị định này đã cắt giảm nhiều thủ tục đăng ký, công bố, kiểm tra chuyên ngành về thực phẩm, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển kinh doanh, sản xuất nhưng không buông lỏng công tác quản lý ATTP thông qua việc tăng cường hậu kiểm.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng thu gọn quản lý về quảng cáo thực phẩm, có đến 90% các sản phẩm thực phẩm không cần đăng ký nội dung quảng cáo như quy định trước đây, chỉ tập trung nguồn lực tiền kiểm các sản phẩm có nguy cơ cao như thực phẩm bảo vệ sức khỏe, sản phẩm cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia thực phẩm hỗn hợp còn các sản phẩm khác (90%) chuyển sang quản lý theo phương thức hậu kiểm. Nghị định cũng đã phân cấp mạnh mẽ cho địa phương, quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân trong quản lý ATTP trên địa bàn theo nguyên tắc quản lý theo chuỗi, trong việc tiếp nhận và cấp giấy chứng nhận ATTP.

Để tổ chức triển khai nhanh chóng Nghị định 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 Nghị định 15/NĐ-CP có hiệu lực thì ngày 07/02/2018, Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về VSATTP đã có văn bản số 857/BCĐTUVSATTP, 858/BCĐTUVSATTP về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định gửi Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ là thành viên Ban Chỉ đạo; ngày 06/2/2018, Thường trực Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương (Cục An toàn thực phẩm) cũng có văn bản gửi các Chi cục ATVSTP, Ban quản lý ATTP, Cơ quan kiểm tra nhà nước về thực phẩm nhập khẩu về việc đôn đốc thực hiện Nghị định; thành lập Tổ công tác để hướng dẫn và kịp thời tháo gỡ những khó khăn trong việc thực hiện Nghị định 15/2018/NĐ-CP; tổ chức 02 hội thảo tại Vĩnh Phúc và thành phố Hồ Chí Minh để phổ biến và thống nhất thực hiện Nghị

định 15/2018/NĐ-CP cho các cơ quan kiểm tra nhà nước, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; phối hợp với VCCI tổ chức 02 hội thảo phổ biến Nghị định 15/2018/NĐ-CP cho các doanh nghiệp thực phẩm và các hiệp hội.

Cùng với đó, Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 quy định xử phạt VPHC về ATTP thay thế Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 với chế tài xử lý mạnh hơn, điều chỉnh quy định một số hành vi vi phạm hành chính về ATTP liên quan đến ranh giới giữa hành vi hành chính và hình sự, phân định thẩm quyền xử phạt của các lực lượng thuộc các Bộ, ngành, địa phương trong xử phạt vi phạm hành chính về ATTP; quy định cụ thể đối tượng là tổ chức bị xử lý vi phạm hành chính về ATTP; quy định các hành vi liên quan đến tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, điều kiện sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, về cơ bản các hành vi này được thiết kế với mức phạt có tính răn đe ở cả hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả, Nghị định xây dựng theo hướng đã tạo ra điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp thì cũng sẽ xử phạt nghiêm nếu doanh nghiệp vi phạm.

Về Đề án thí điểm thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tại 7 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Gia Lai), Bộ Y tế đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 23/3/2018 về việc thí điểm thực hiện thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tại huyện, quận, thị xã và xã, phường, thị trấn của 07 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trên tinh thần đó, Bộ Y tế đã xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tại huyện, quận, thị xã và xã, phường, thị trấn của 09 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (mở rộng 7 tỉnh/thành phố và tiếp tục triển khai tại Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh) và đã trình Thủ tướng Chính phủ để ký ban hành.

Ngoài ra, Bộ Y tế cũng đang hoàn thiện Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong đó lĩnh vực thực phẩm dự kiến cắt giảm 704/835 (84,31%) điều kiện đầu tư kinh doanh và 36/54 (66,67 %) thủ tục hành chính.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Nông nghiệp&PTNT) đang khẩn trương tiếp thu ý kiến góp ý của các đoàn Đại biểu Quốc hội các địa phương để trình Quốc hội dự thảo Luật Chăn nuôi, Luật Trồng trọt tại kỳ họp tháng 10/2018; trình Chính phủ 01 văn bản đẩy mạnh triển khai Đề án kiểm soát ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất; hoàn thiện danh mục chỉ tiêu, mức giới hạn cho phép về ATTP đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ NN&PTNT.

Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước được phân công tại Luật an toàn thực phẩm, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành trình Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà

nước về bảo đảm an toàn thực phẩm và đang xây dựng dự thảo Thông tư quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Về hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thực phẩm, Bộ Y tế đã ban hành đầy đủ quy định về mức giới hạn an toàn cho tất cả các nhóm sản phẩm phù hợp với thông lệ quốc tế. Tính đến tháng 9/2018, Bộ Y tế đã xây dựng và ban hành 54 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đã xây dựng, chuyển Bộ Khoa học và Công nghệ công bố được 51 TCVN về phương pháp kiểm nghiệm an toàn thực phẩm. Bộ Nông nghiệp & PTNT đã tích cực xây dựng và ban hành thêm 49 tiêu chuẩn trong lĩnh vực trồng trọt, thú y, 03 QCKT - lũy kế đến nay các đơn vị đã trình, ban hành 623 tiêu chuẩn, 208 quy chuẩn về vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thủy sản. Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và ban hành 877 TCVN.

Thực hiện Nghị quyết số 43/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về việc đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2016-2020, các bộ, ngành đã kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL về ATTP, khắc phục tình trạng thiếu cơ chế quản lý, thiếu đồng bộ của hệ thống pháp luật về ATTP trước đây, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển.

Nhìn chung hệ thống văn bản QPPL về ATTP đã được ban hành đầy đủ, phủ kín các đối tượng, công đoạn trong chuỗi sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về ATTP.

## **2. Công tác kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm các cấp**

- Về kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước:

Tại Trung ương: Theo Luật an toàn thực phẩm, quản lý nhà nước về ATTP được phân công cho ba Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công Thương tại Điều 62, 63, 64 của Luật theo nguyên tắc quản lý theo chuỗi cung cấp thực phẩm với từng nhóm thực phẩm, ngành hàng cụ thể. Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về ATTP. Tại mỗi bộ có đơn vị giúp Bộ trưởng trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ATTP<sup>1</sup>. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 300/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về ATTP do một Phó Thủ tướng làm trưởng ban để chỉ đạo việc phối hợp hoạt động giữa các Bộ trong các vấn đề liên ngành. Việc kiện toàn này đặc biệt có sự tham gia của Mặt trận tổ quốc Việt Nam sẽ góp phần thực hiện tốt cuộc vận động toàn xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong công tác bảo đảm ATTP.

---

<sup>1</sup> Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế; Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản là cơ quan đầu mối và 02 Tổng Cục (Thủy sản, Lâm nghiệp), 05 Cục chuyên ngành (Thú y, Bảo vệ thực vật, Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến Nông lâm thủy sản và Nghệ muối) trong quản lý chất lượng, ATTP theo từng nhóm ngành hàng (động vật, thực vật, thủy sản) và tại từng công đoạn sản xuất kinh doanh; Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công Thương làm đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ATTP, cùng phối hợp có Vụ Thị trường trong nước, Tổng cục Quản lý thị trường, Cục Công nghiệp, Cục Xuất nhập khẩu.

Tại địa phương: UBND các cấp thực hiện quản lý nhà nước về ATTP trong phạm vi địa phương. Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP các cấp (được thành lập tới cấp xã và đang được kiện toàn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ với Chủ tịch UBND là trưởng ban) có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp hoạt động liên ngành tại địa phương, đến nay đã có 54 địa phương kiện toàn lại Ban Chỉ đạo do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố làm trưởng ban<sup>2</sup>.

- Về thống nhất mô hình quản lý ATTP: Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương thống nhất mô hình quản lý ATTP phù hợp với tình hình hiện nay. Trước mắt thí điểm mô hình hợp nhất ba ngành y tế, nông nghiệp, công thương ở cấp tỉnh, thành phố tại 3 địa phương (thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bắc Ninh). Trên cơ sở kết quả thí điểm, Chính phủ sẽ báo cáo Quốc hội để quyết định, đồng thời theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP Chính phủ quy định rõ trách nhiệm 3 Bộ: Y tế chịu trách nhiệm chung đồng thời trực tiếp quản lý 6 nhóm ngành hàng; Công Thương quản lý 8 nhóm ngành hàng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý 19 nhóm ngành hàng. Nghị định cũng phân định rõ trách nhiệm quản lý về ATTP của chính quyền địa phương để hạn chế tối đa chồng chéo trong quản lý, tính đến nay đã có 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về ATTP, còn 02 tỉnh chưa chỉ định là Vĩnh Phúc, Bình Phước.

Trong Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 10/10/2017 về phiên họp thường kỳ tháng 9 năm 2017, Chính phủ đã giao Ủy ban nhân dân, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc kiêm nhiệm nhiệm vụ theo dõi công tác an toàn thực phẩm đối với công chức cấp xã.

### **3. Công tác phòng chống ngộ độc và các bệnh truyền qua thực phẩm**

Năm 2017 và 9 tháng đầu năm 2018, công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm (NĐTP), tiếp tục tập trung vào các nội dung: thông tin, truyền thông để thay đổi hành vi phòng chống NĐTP cho các đối tượng nguy cơ; giám sát phát hiện, cảnh báo sớm nguy cơ, cảnh báo phòng chống NĐTP cho cộng đồng, tập trung vào giảm số mắc trong NĐTP bếp ăn tập thể; giám sát vụ, số tử vong tại bếp ăn gia đình, do rượu, nấm độc; phát hiện sớm, điều tra, xử lý quyết liệt, đồng bộ để giảm thiểu ảnh hưởng của vụ NĐTP; kiểm soát phòng chống NĐTP, trọng tâm giảm thiểu NĐTP tại khu công nghiệp/khu chế xuất, trường học, bếp ăn tập thể, thức ăn đường phố.

Các bộ đã phối hợp chặt chẽ với địa phương để quản lý, xử lý nguy cơ ô nhiễm thực phẩm; hướng dẫn địa phương triển khai giám sát chủ động các môi nguy ô nhiễm thực phẩm, công tác bảo đảm ATTP, phòng chống NĐTP trong thời gian cao điểm như mùa du lịch, lễ hội, mùa Hè..., tổ chức các đoàn liên ngành Trung

<sup>2</sup> Các địa phương chưa kiện toàn BCD: 09 tỉnh chưa kiện toàn BCD do Chủ tịch tỉnh làm trưởng ban: Hà Giang, Quảng Bình, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cần Thơ, Sóc Trăng, Vĩnh Phúc.

ương kiểm tra tình hình triển khai công tác phòng chống NDTP, bảo đảm ATTP tại các địa phương.

Công tác bảo đảm ATTP trong các dịp lễ, sự kiện lớn cũng được chú trọng và ưu tiên hàng đầu:

- Năm 2017 là năm Việt Nam đảm nhận vai trò chủ nhà của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Trong thời gian này, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế và các bộ ngành khác liên quan phối hợp với các địa phương nơi tổ chức sự kiện đã tiến hành đồng bộ các giải pháp bảo đảm ATTP cho các đại biểu, khách trong nước và quốc tế về dự. Đã đảm bảo ATTP cho 11 Hội nghị sự kiện APEC 2017 tại các địa phương Hà Nội, Khánh Hòa, Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế, Nghệ An, Quảng Nam, Đà Nẵng với 122.020 suất ăn đảm bảo ATTP, xét nghiệm nhanh 9.391 mẫu, 9.087 mẫu đạt (chiếm tỉ lệ 96,8%), các mẫu thực phẩm không đạt, đã yêu cầu hủy không đưa vào chế biến làm thức ăn phục vụ đại biểu.

- Trong 9 tháng đầu năm 2018, đã đảm bảo ATTP tại 08 hoạt động và sự kiện lớn: Diễn đàn Nghị viện Châu Á - Thái Bình Dương (APPF) tại Hà Nội, Hội nghị Thượng đỉnh Hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng lần thứ 6 (HNTĐ GMS-6), Hội nghị Cấp cao Hợp tác Khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam lần thứ 10 tại Hà Nội, Kỳ thi Olympic Vật lý Châu Á (APhO 2018) tại Hà Nội; Hội nghị Diễn đàn Kinh tế thế giới ASEAN năm 2018 (WEF ASEAN 2018) tại Việt Nam; Đại hội các cơ quan kiểm toán tối cao Châu Á lần thứ 14 (ASOSAI 14); Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII; Lễ tang Chủ tịch nước Trần Đại Quang và Nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười.

Việc tiếp nhận và xử lý thông tin, sự cố về ATTP được duy trì và tiến hành khoa học. Thông qua cảnh báo quốc tế, khu vực, các quốc gia có quan hệ và hoạt động giám sát định kỳ, các thông tin về sự cố ATTP trên phương tiện thông tin đại chúng, các bộ đã tổ chức điều tra, thanh tra, kiểm nghiệm để xác minh, đánh giá sự cố và thực hiện xử lý truy xuất nguồn gốc, giám sát sản phẩm lưu thông trên thị trường, thông báo, thu hồi, tiêu hủy sản phẩm. Từ năm 2017 đến 9 tháng đầu năm 2018 đã xác minh và xử lý 13 thông tin, cảnh báo về an toàn thực phẩm, tiếp tục giám sát ATTP đối với hải sản tầng đáy trong phạm vi 20 km trở vào bờ bị ảnh hưởng bởi sự cố ô nhiễm môi trường biển của Công ty TNHH gang thép Hưng nghiệp Formosa tại các tỉnh miền Trung<sup>3</sup>.

Về tình hình ngộ độc thực phẩm:

- Năm 2017, toàn quốc ghi nhận 148 vụ ngộ độc thực phẩm làm 4.087 người mắc, 3.908 người đi viện và 24 trường hợp tử vong. So với năm 2016, số vụ giảm 26 vụ (14,9%), số mắc giảm 467 người (10,3%), số đi viện giảm 70 người (1,8%), tuy nhiên số tử vong tăng 12 người. Nguyên nhân tử vong tăng chủ yếu là do ngộ độc

<sup>3</sup> Bộ Y tế đã có Báo cáo số 82/BC-BYT, ngày 31/5/2017 gửi Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình về kết quả giám sát hải sản tầng đáy tại vùng biển từ 20 ki-lô-mét trở vào bờ của 4 tỉnh miền Trung tháng 3 và tháng 4 năm 2017.

methanol trong rượu (11 người), độc tố tự nhiên (10 người, do cóc, cá nóc, sò biển), 3 trường hợp còn lại chưa xác định được nguyên nhân (*chi tiết xem phụ lục 2*).

- Trong 9 tháng năm 2018 (từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 30/9/2018), toàn quốc ghi nhận 79 vụ ngộ độc thực phẩm (NĐTP) làm 1.856 người mắc, 1.533 người đi viện và 15 trường hợp tử vong. So với cùng kỳ năm 2017, số vụ giảm 38 vụ (32,5%), số mắc giảm 1.427 người (43,5%), số đi viện giảm 1.594 người (51,0%), số tử vong giảm 03 người (16,7%). Nguyên nhân NĐTP: do vi sinh vật là 30 vụ (38,0%), do độc tố tự nhiên là 15 vụ (19,0%), do hóa chất là 04 vụ (5,0%) và 30 vụ chưa xác định được nguyên nhân gây ngộ độc (38,0%), (*chi tiết xem phụ lục 2*).

Các trường hợp chưa xác định được nguyên nhân gây ngộ độc là do không lấy được mẫu thực phẩm nghi ngờ chứa tác nhân gây ngộ độc thực phẩm hoặc không tìm thấy tác nhân gây ngộ độc thực phẩm trong thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc thực phẩm

Về tổ chức giám sát ATTP nông lâm thủy sản, xây dựng lộ trình và giải pháp giải quyết dứt điểm các vấn đề yếu kém về dư lượng vượt ngưỡng cho phép của thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), thuốc thú y, sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, kiểm soát giết mổ nhỏ lẻ, kiểm soát môi trường đất, nước cho sản xuất thực phẩm an toàn.

- Kết quả giám sát năm 2017 cho thấy đã có sự chuyển biến đáng kể về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở và chỉ số an toàn thực phẩm các nhóm sản phẩm chủ lực:

+ Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản được kiểm tra đạt yêu cầu về điều kiện đảm bảo ATTP đã tăng lên 97,33% (17.303/17.778 cơ sở) (tăng so với năm 2016 (91%)); tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp được kiểm tra đạt yêu cầu đã tăng lên 93,16% (6.294/6.756 cơ sở) (tăng so với năm 2016 là 89,9%).

+ Không phát hiện mẫu vi phạm chất cấm Salbutamol trong 8.090 mẫu nước tiểu, 1.052 mẫu thịt tại các cơ sở giết mổ (năm 2016 vẫn phát hiện 0,44% mẫu thịt vi phạm chất cấm Salbutamol); tỷ lệ mẫu thịt tươi vi phạm về chỉ tiêu kháng sinh là 0,63% (21/3341 mẫu, giảm so với năm 2016 là 1,76%); tỷ lệ mẫu thủy sản và sản phẩm thủy sản vi phạm chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh là 0,89% (27/3.002 mẫu, giảm so với năm 2016 là 1,07%); tỷ lệ mẫu rau, củ, quả vi phạm chỉ tiêu về dư lượng thuốc BVTV là 0,6% (4/667 mẫu, giảm so với năm 2016 là 2,05%).

- Trong 9 tháng đầu năm 2018, ngay từ đầu năm Bộ NN&PTNT đã ban hành Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2018 (Quyết định số 219/QĐ-BNN-QLCL ngày 23/01/2018), kết quả giám sát cho thấy:

+ Lũy kế từ đầu năm đến nay, các địa phương đã thực hiện kiểm tra lần đầu và định kỳ 8.176 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản, trong đó 8.009 cơ sở được xếp loại A, B (chiếm 97,95%, tăng so với cùng kỳ năm 2017 (97%)); thực hiện

tái kiểm 63 cơ sở loại C, kết quả 39 cơ sở lên hạng A, B (chiếm 61,9%, tăng so với cùng kỳ năm 2017 (48,3%)). Kết quả cho thấy tỷ lệ các cơ sở xếp loại A, B khá cao, tỷ lệ các cơ sở xếp loại C được tái kiểm tra đã được cải thiện. Đã thực hiện kiểm tra lần đầu và định kỳ 2.840 cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, trong đó 2.644 cơ sở được xếp loại A, B (chiếm 93%, giảm so với cùng kỳ năm 2017 (93,7%)), các cơ sở xếp loại C vẫn chưa được thực hiện tái kiểm.

+ Lũy kế từ đầu năm đến nay không phát hiện mẫu dương tính với chất cấm Salbutamol trong 477 mẫu thịt, 3.506 mẫu nước tiểu; 460/1.907 mẫu thịt vi phạm chỉ tiêu vi sinh (chiếm 24% giảm so với năm 2017 tỷ lệ là 26,7%); không phát hiện mẫu thịt tươi vi phạm chỉ tiêu kháng sinh (giảm so với năm 2017 là 0,63%, năm 2016 là 1,76%); 35/2.349 mẫu thủy sản nuôi vi phạm chỉ tiêu kháng sinh (chiếm 1,5% tăng so năm 2017 là 0,89%); riêng mẫu rau, quả Cục BVTV đã triển khai lấy mẫu nhưng chưa có kết quả phân tích. Bộ đã cảnh báo, phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường kiểm soát việc sử dụng hóa chất, kháng sinh chuỗi sản xuất kinh doanh thủy sản nuôi khi tỷ lệ mẫu thủy sản nuôi vi phạm chỉ tiêu kháng sinh tăng hơn so với năm 2017.

Đối với mẫu thực phẩm không đạt, các cơ quan chức năng đã tiến hành tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh, xử lý nghiêm vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **4. Hoàn thiện chính sách về đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, kinh doanh thực phẩm đồng bộ với quy hoạch vùng, cơ sở sản xuất an toàn**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tăng cường chỉ đạo các địa phương tổ chức sản xuất tập trung, quy mô lớn, kiểm soát ATTP ngay từ các yếu tố đầu vào và liên kết sản xuất với tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn.

Hầu hết các tỉnh đã triển khai vận động, hỗ trợ sản xuất nông sản, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP. Tính đến nay đã có gần 1.500 cơ sở trồng trọt được chứng nhận VietGAP với diện tích khoảng hơn 36,3 nghìn ha (cà phê 200 ha, chè 3,7 nghìn ha, lúa 3,4 nghìn ha, quả 16,6 nghìn ha, rau 12,5 nghìn ha; tăng 17,1 nghìn ha so với năm 2017); khoảng 500 cơ sở nuôi thủy sản với diện tích nuôi trồng thủy sản là 2.618 ha được cấp chứng nhận VietGAP và tương đương; 313 trang trại và 2.502 hộ chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP.

Đã có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nhiều mô hình về liên kết với Hợp tác xã, hộ nông dân tổ chức chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn, quy mô lớn như: Tập đoàn Vingroup triển khai chương trình liên kết với 1000 hợp tác xã; tập đoàn Dabaco triển khai nhân rộng mô hình sản xuất chuỗi giá trị 3F; công ty cổ phần Hùng Nhon đầu tư hệ thống trang trại theo tiêu chuẩn Global GAP; công ty Sanha triển khai chương trình liên kết sản xuất chuỗi sản phẩm thịt gà an toàn, trong đó có 120 trang trại chăn nuôi đạt chuẩn; công ty Ba Huân đầu tư nhà máy xử lý trứng sạch... Liên minh hợp tác xã Việt Nam cũng đã tổ chức hệ thống siêu thị (5



siêu thị) kết nối với hơn 100 hợp tác xã nông nghiệp hình thành các chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn.

## **5. Công tác quản lý ATTP theo quá trình sản xuất, dựa trên phân tích nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm**

a) Công tác quản lý an toàn thực phẩm theo quá trình sản xuất, dựa trên phân tích nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo, đôn đốc các địa phương nhân rộng các mô hình chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn trên toàn quốc, đảm bảo gia tăng cả 03 tiêu chí về số chuỗi, số sản phẩm được kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi, số điểm bán sản phẩm để nhằm không những tăng thị phần cung ứng sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng mà còn tăng giá trị sản phẩm và lợi nhuận cho người nông dân, doanh nghiệp tham gia chuỗi: đến nay đã có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã triển khai xây dựng và phát triển mô hình chuỗi.

- Năm 2017 đã xây dựng thành công 818 mô hình điểm chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn, trong đó 416 chuỗi đã được giám sát, xác nhận sản phẩm được kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi.

- Trong 9 tháng đầu năm 2018 đã xây dựng thành công 1.038 chuỗi, 1.407 sản phẩm và 3.162 địa điểm bán sản phẩm đã kiểm soát theo chuỗi; tổ chức tập huấn triển khai, xác nhận sản phẩm chuỗi, quảng bá và truy xuất sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho các cán bộ cơ quan quản lý ở địa phương tại Nha Trang, Cần Thơ, Vĩnh Phúc.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo các đơn vị và địa phương kiểm tra, xác minh, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác về các sự cố an toàn thực phẩm.

- Năm 2017 điển hình như vụ việc giết mổ lợn chết làm thực phẩm tại Cao Bằng; kho lạnh bảo quản thực phẩm ôi thiu, không bảo đảm ATTP tại Bắc Từ Liêm, Hà Nội; hiện tượng bơm nước, tiêm thuốc an thần cho lợn trước khi giết mổ, vớt xác gia súc, gia cầm gây ô nhiễm môi trường, sử dụng hóa chất không rõ nguồn gốc trong sản xuất giá đỗ trên địa bàn Thừa Thiên Huế.

- Trong 9 tháng đầu năm 2018 điển hình như vụ việc sử dụng phụ gia thực phẩm quá hạn sử dụng tại cơ sở chế biến xúc xích tại Thái Bình; hiện tượng bơm nước, tiêm thuốc an thần cho lợn tại các cơ sở giết mổ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Nam, Tiền Giang; phát hiện Aflatoxin trong ớt bột do Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh công bố; phát hiện phế phẩm cà phê nhuộm pin tại Đắk Nông; phát hiện tạp chất trong tôm và sản phẩm tôm.

Các sai phạm đã được xác minh, xử lý và hoạt động giám sát, kiểm tra sau đó của các địa phương đã được tăng cường nhằm ngăn chặn tái phạm.

Năm 2017, Bộ đã tập trung giải quyết linh hoạt, hiệu quả các rào cản kỹ thuật, duy trì xuất khẩu sang các thị trường truyền thống (tăng số doanh nghiệp được phép

xuất khẩu thủy sản sang EU, Hàn Quốc, Trung Quốc, Liên bang Nga lần lượt là 513, 642, 646, 21 doanh nghiệp; 62 doanh nghiệp tiếp tục được xuất khẩu cá da trơn vào Hoa Kỳ), mở rộng xuất khẩu nông sản sang một số thị trường mới (xuất khẩu thịt gà sang Nhật, chanh leo sang Pháp, xoài, vú sữa sang Hoa Kỳ...) góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2017 lên 36,37 tỷ USD.

Tiếp tục trong 9 tháng đầu năm 2018, Bộ Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức trao đổi và làm việc với cơ quan thẩm quyền các nước nhập khẩu kịp thời để tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu sản phẩm nông lâm thủy sản Việt Nam. Từ đầu năm đến nay các đơn vị thuộc Bộ đã làm việc với 6 đoàn thanh tra của Nhật Bản, Canada, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Trung Quốc sang thanh tra các doanh nghiệp chế biến nông thủy sản xuất khẩu, thanh tra hệ thống kiểm soát ATTP thủy sản xuất khẩu, thanh tra hệ thống kiểm soát ATTP chuỗi sản xuất cá da trơn xuất khẩu sang Hoa Kỳ và thanh tra hệ thống kiểm soát ATTP và an toàn dịch bệnh trong sản xuất, chế biến sữa... và đã đạt kết quả tốt, góp phần duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đặc biệt Bộ đã triển khai đồng bộ các giải pháp theo chỉ đạo của Chính phủ để duy trì xuất khẩu cá da trơn đến thời điểm hiện nay; đã phối hợp với cơ quan thẩm quyền Hoa Kỳ triển khai quá trình đánh giá tương đương, đến ngày 19/9/2018, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ đã đăng công báo dự thảo công nhận tương đương hệ thống kiểm soát ATTP trong sản xuất, chế biến cá da trơn xuất khẩu của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Bộ cũng đã phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Hiệp Hội sữa Việt Nam tiếp đón cơ quan thẩm quyền của Trung Quốc tiến hành kiểm tra hệ thống, phòng kiểm nghiệm và một số doanh nghiệp sản xuất sữa có nhu cầu xuất khẩu sang Trung Quốc; cung cấp bổ sung tài liệu về quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh sữa xuất khẩu theo đề nghị của Đoàn cơ quan thẩm quyền Trung Quốc. Kết quả Đoàn công tác Tổng cục hải quan Trung Quốc ghi nhận hệ thống kiểm soát ATTP, ATDB của Việt Nam trong sản xuất, chế biến sữa và đang xem xét việc cấp phép cho Việt Nam xuất khẩu sữa vào Trung Quốc.

Một số tỉnh, thành phố như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh đã liên kết xây dựng các chuỗi nông sản thực phẩm an toàn như chuỗi rau, trứng, thịt an toàn, ký hợp đồng nguyên tắc với các tỉnh lân cận cung cấp nông sản cho thành phố, hình thành chuỗi quản lý khép kín.

Bên cạnh đó, Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) đã có văn bản hướng dẫn các Viện chuyên ngành và địa phương triển khai hoạt động giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm và kiểm nghiệm mẫu phục vụ cho công tác quản lý ATTP. Theo báo cáo của các Viện, kết quả cho thấy:

- Năm 2017 đã giám sát được 5.124 mẫu, phát hiện 1.435 mẫu không đạt (chiếm tỷ lệ 28,0%). Tại địa phương, theo báo cáo giám sát mỗi nguy ô nhiễm thực phẩm của các tỉnh/thành phố, đã giám sát được 13.452 mẫu thực phẩm, trong đó số mẫu không đạt là 1.100 mẫu thực phẩm (chiếm 8.18%).

- Trong 9 tháng đầu năm 2018, đã giám sát được 3859 mẫu, phát hiện 762 mẫu không đạt (chiếm tỷ lệ 19,7%). Cụ thể tỷ lệ các mẫu không đạt: 34/396 (8,58%) mẫu thực phẩm bảo vệ sức khỏe; 15/157 (9,55%) mẫu thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng dạng bột (ngũ cốc); 7/160 (4,37%) mẫu thực phẩm bổ sung vi chất (bánh quy, bánh snack); 2/68 (2,94%) mẫu thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; 2/190 (1,05%) mẫu sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ từ 0-36 tháng; 98/322 (30,4%) mẫu nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai (bình); 80/113 (70,7%) mẫu đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm); 15/69 (21,7%) mẫu bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; 22/29 (75,8%) mẫu thức ăn đường phố; 31/60 (51,6%) mẫu thực phẩm chay; 9/28 (32,1%) mẫu giám sát phụ gia thực phẩm trong một số loại thực phẩm bổ sung, thực phẩm bao gói sẵn; 18/68 (26,4%) mẫu giám sát phẩm màu cấm, hóa chất cấm trong một số loại thực phẩm; 10/160 (6,25%) mẫu gia vị không đạt, trong đó 8/10 (80%) mẫu không đạt chỉ tiêu Natri Benzoate, 2/10 (20%) mẫu không đạt chỉ tiêu Kali sorbat; 18/68 (26,4%) mẫu giám sát độc tố nấm mốc, hóa chất cấm trong các loại ngũ cốc và sản phẩm từ ngũ cốc: 14/70 (20%) mẫu bánh; 21/238 (8,82%) mẫu nem chua, giò chả; 51/100 (51%) mẫu cafe; 2/75 (2,66%) mẫu nước mắm; 103/120 (85,8%) mẫu thịt heo; 74/120 (61,6%) mẫu thịt bò; 95/120 (79,1%) mẫu thịt gà. Đối với các mẫu giám sát không đạt yêu cầu ATTP ở cả Trung ương và địa phương đều được xử lý triệt để, thông tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, góp phần tích cực trong việc ngăn chặn thực phẩm không an toàn lưu hành, đánh giá nguy cơ và cảnh báo sớm đến các đối tượng sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, các nhà quản lý và người tiêu dùng.

Thực hiện lộ trình dần dần đưa yêu cầu áp dụng Thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo khuyến cáo của ASEAN, Bộ Y tế đã ban hành tài liệu hướng dẫn Thực hành sản xuất tốt thực phẩm bảo vệ sức khỏe (Quyết định số 4288/QĐ-BYT ngày 08/8/2016) và đã phổ biến nội dung tài liệu này đến các cơ quan quản lý ATTP các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe để áp dụng thực hiện. Từ 01/9/2019, tất cả cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe phải có Giấy chứng nhận thực hành tốt-GMP. Điều này cho thấy việc quản lý thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe đã được siết chặt nhằm bảo đảm sự công bằng trên thị trường và bảo đảm sản phẩm tốt nhất cho người tiêu dùng.

Ngoài ra, Bộ Công thương đã giao Vụ Thị trường trong nước phối hợp với Sở Công Thương 24 tỉnh/thành phố triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện Dự án mô hình thí điểm chợ bảo đảm an toàn thực phẩm tiến tới hoàn thành mục tiêu đề ra tại Quyết định số 1125/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đưa tổng số tỉnh/thành phố được hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm chợ bảo đảm an toàn thực phẩm là 55 tỉnh/thành phố. Các tỉnh được hỗ trợ triển khai với hai nội dung chủ yếu: Nghiên cứu xây dựng đề án mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm và Triển khai mô hình trên thực tiễn. Kết quả triển khai xây dựng mô hình chợ thí điểm tuy mới là bước

đầu nhưng đã tạo điều kiện để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại chợ; góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quyền lợi của thương nhân kinh doanh hàng nông sản - thực phẩm tại chợ. Việc xây dựng mô hình đã làm cho người tiêu dùng yên tâm và tin tưởng khi mua hàng tại chợ tham gia mô hình, dẫn đến số lượng khách vào mua hàng tại các chợ có mô hình đông hơn, từ đó tăng thu nhập cho các hộ kinh doanh tại chợ. Một số tỉnh trong quá trình triển khai xây dựng mô hình đã lồng ghép với một số chương trình, dự án khác như quy hoạch và các dự án đầu tư, cải tạo nâng cấp phát triển mạng lưới chợ; quy hoạch cơ sở giết mổ tập trung; quy hoạch phát triển vùng rau an toàn, xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; các cửa hàng bán rau an toàn. Một số mô hình có sự kết nối giữa các hợp tác xã cung cấp rau, thực phẩm an toàn với chợ tham gia dự án.

#### b) Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

Công tác thanh, kiểm tra về ATTP hàng năm được thực hiện theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về VSATTP, trong đó trong đó tập trung vào thanh tra, kiểm tra liên ngành Tết nguyên đán Mậu Tuất và Tháng hành động vì an toàn thực phẩm; Triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm; Tăng cường thanh tra, kiểm tra theo Chỉ thị số 17/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Trong năm 2017, cả nước đã thành lập 23.441 đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành với sự tham gia của các ngành chức năng: Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương, Công an, Khoa học và Công nghệ..., tiến hành kiểm tra tại 625.060 cơ sở, phát hiện 123.914 cơ sở vi phạm, chiếm 19,8%.

Về xử lý vi phạm, trong số 123.914 cơ sở vi phạm, đã có 32.579 cơ sở bị xử lý, chiếm 26,3% (năm 2016 là 22,9%), trong đó phạt tiền 19.208 cơ sở với số tiền 61.043.001.230 đồng, trung bình 3,18 triệu đồng/cơ sở (năm 2016 là 2,7 triệu đồng). Cùng với áp dụng hình thức phạt tiền, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị xử phạt bổ sung và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: 611 cơ sở bị đình chỉ hoạt động; 1.978 loại thực phẩm bị đình chỉ lưu hành; 5.005 cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm với 6.163 loại thực phẩm bị tiêu hủy do không đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm (thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ, hết hạn sử dụng...).

- Trong 9 tháng đầu năm 2018, cả nước đã tiến hành thanh tra, kiểm tra được 401.653 cơ sở, phát hiện 77.105 cơ sở vi phạm về an toàn thực phẩm chiếm 19,2%; đã xử lý 24.603 cơ sở (chiếm 31,91% số cơ sở vi phạm), trong đó phạt tiền 21.613 cơ sở với số tiền phạt: **42.475.102.107 đồng**. Ngoài các hình thức xử phạt chính, còn áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả: đình chỉ lưu hành sản phẩm: 195 cơ sở; số cơ sở có nhãn phải khắc phục 485; số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm: 3.926 cơ sở; tiêu hủy 3.821 loại thực phẩm do không đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm. Các nội dung vi phạm chủ yếu được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra: vi phạm về điều kiện vệ sinh cơ sở về trang thiết bị, dụng cụ, vi phạm về con người, ngoài các nội dung vi phạm chủ yếu trên, một số cơ sở còn vi

phạm về việc ghi nhãn, quảng cáo thực phẩm, thực phẩm không đảm bảo chất lượng, sản xuất kinh doanh thực phẩm mà không công bố theo quy định.

Ngoài việc thanh, kiểm tra theo kế hoạch, các bộ, ngành đã tiến hành nhiều đợt thanh, kiểm tra đột xuất theo chuyên ngành đã phát hiện và xử lý nhiều vụ vi phạm pháp luật về ATTP.

- Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm):

+ Năm 2017, đã kiểm tra, phát hiện, xử lý 51 công ty vi phạm về ATTP với số tiền phạt là 1.985.295.383 đồng; thu hồi 105 Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm; tiêu huỷ 33 lô sản phẩm vi phạm; tạm dừng lưu thông 49 lô sản phẩm vi phạm; chuyển Cơ quan điều tra đối với 04 Công ty (có dấu hiệu sản xuất, kinh doanh hàng giả theo quy định tại Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 được sửa đổi tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013).

+ Trong 9 tháng đầu năm 2018 (tính đến đến 12/9/2018), đã triển khai 20 đoàn thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm (trong đó có 08 đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành theo kế hoạch và 12 đoàn kiểm tra đột xuất về an toàn thực phẩm); xử phạt vi phạm hành chính 71 cơ sở với 105 hành vi vi phạm, tổng số tiền phạt là **4.368.005.078 đồng**. Các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đều được công bố công khai trên website của Cục theo quy định.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Kết quả triển khai kiểm tra, đánh giá phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản năm 2017 của các địa phương cho thấy: tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản được kiểm tra đạt yêu cầu về điều kiện đảm bảo ATTP đã tăng từ 91% (2016) lên 97,33% (2017), tuy nhiên tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản xếp loại C được tái kiểm tra và nâng hạng A, B là 48,2%, giảm so với năm 2016 (57%); tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp được kiểm tra đạt yêu cầu đã tăng từ 89,9% (2016) lên 93,2% (2017), tuy nhiên tỷ lệ các cơ sở loại C được tái kiểm vẫn còn thấp (13,4%). Trong toàn ngành đã kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất 59.323 cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản, phát hiện 10.756 cơ sở vi phạm, xử phạt 9.967 cơ sở với tổng số tiền xử phạt hơn 78,9 tỷ đồng, tăng 18,3% số lượng cơ sở được kiểm tra, 61,18% số cơ sở vi phạm được phát hiện, 181% số tiền xử phạt so với năm 2016 (kiểm tra 50.122 cơ sở, phát hiện 6.673 cơ sở vi phạm, xử phạt 28 tỷ đồng).

+ Trong 9 tháng đầu năm 2018 toàn ngành đã thanh tra theo kế hoạch và đột xuất 39.916 cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản, phát hiện 2.518 cơ sở vi phạm và xử phạt 16,2 tỷ đồng.

Riêng về kiểm soát tạp chất trong thủy sản: từ đầu năm 2017 đến nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Công an (Cục An

ninh Kinh tế Nông Lâm Ngư nghiệp – A86, Tổng cục An ninh; Cục Cảnh sát Môi trường – C49, Tổng cục Cảnh sát) tổ chức đoàn công tác liên ngành kiểm tra đột xuất 14 cơ sở sản xuất kinh doanh tôm tại các tỉnh trọng điểm Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, Hà Nội và Thanh Hóa; phát hiện và xử phạt 08 cơ sở thu mua, sơ chế và 02 doanh nghiệp chế biến tôm có chứa tạp chất với số tiền phạt hơn 900 triệu đồng. Các tỉnh, thành phố cũng đã tổ chức thanh, kiểm tra đột xuất 327 cơ sở sản xuất, thu mua, chế biến tôm; kết quả đã phát hiện và xử lý 129 cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến tôm có chứa tạp chất với tổng số tiền phạt 3,787 tỷ đồng.

- Bộ Công thương:

+ Năm 2017, lực lượng quản lý thị trường tại các địa phương đã kiểm tra 36.811 vụ, xử lý 17.012 vụ việc vi phạm về ATTP, xử phạt vi phạm hành chính trên 34 tỷ đồng, thu giữ tang vật trị giá trên 31 tỷ đồng<sup>4</sup>.

Triển khai thực hiện Công điện số 371/CD-TTg ngày 10/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc khắc phục hậu quả vụ ngộ độc rượu và tăng cường quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm đối với sản phẩm rượu, Bộ Công Thương đã chủ trì tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất cồn thực phẩm theo Chỉ thị số 02/CT-BCT ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc tăng cường quản lý an toàn thực phẩm đối với sản xuất, kinh doanh rượu; giao Chi cục Quản lý thị trường các địa phương thực hiện nghiêm chỉ đạo của Bộ trưởng về kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu trên địa bàn, tổ chức kiểm tra các cơ sở kinh doanh rượu (bán buôn, bán lẻ, bán tại các cửa hàng ăn uống...) đặc biệt là rượu sản xuất thủ công để ngăn chặn tình trạng ngộ độc rượu trên địa bàn; chỉ đạo Sở Công thương các tỉnh/thành phố, các đơn vị thuộc Bộ tổ chức triển khai các nội dung tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh hóa chất, cồn công nghiệp theo Chỉ thị 03/2017/CT-BCT ngày 28/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc tăng cường quản lý hóa chất độc hại bị lạm dụng trong bảo quản, chế biến thực phẩm; chú trọng thanh tra, kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Hóa chất, Nghị định về ghi nhãn.

+ Trong 9 tháng đầu 2018, tiếp tục triển khai thực hiện Công điện số 371/CD-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 02/CT-BCT ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tăng cường quản lý an toàn thực phẩm đối với sản xuất, kinh doanh rượu; Chỉ thị 03/2017-CT-BCT ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tăng cường quản lý hóa chất độc hại bị lạm dụng trong bảo quản, chế biến thực phẩm; chú trọng thanh tra, kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Hóa chất, Nghị định về ghi nhãn. Kết quả: theo báo cáo chưa đầy đủ từ các Chi cục Quản lý thị trường, lực lượng Quản lý thị trường cả nước trong 9 tháng

---

<sup>4</sup>Hàng hóa vi phạm bị thu giữ là: 85.054 chai, lít rượu; 10.760 lon bia; 107.029 chai, lon nước giải khát; 95.477 hộp, gói bánh kẹo; 47.237 hộp, thùng sữa; 312 chai, lít dầu thực vật; 2.571 gói, kg sản phẩm chế biến bột và tinh bột; 234.008 kg động vật và phụ phẩm động vật; 61.369 kg hoa quả; 5.607.280 kg hộp, gói thực phẩm các loại.

đầu năm 2018 đã kiểm tra 12.397 vụ, xử lý 7.749 vụ việc vi phạm về an toàn thực phẩm, xử phạt vi phạm hành chính hơn 18 tỷ đồng, trị giá tang vật thu giữ hơn 13,4 tỷ đồng.<sup>5</sup>

- Bộ Công an:

+ Năm 2017: Lực lượng Cảnh sát môi trường đã phát hiện 6.477 vụ vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm, chiếm 32,88% tổng số vụ việc mà lực lượng Cảnh sát môi trường phát hiện (các lĩnh vực khác: Bảo vệ môi trường, khai thác tài nguyên...), tăng 25 % so với năm 2016; với 747 tổ chức, 5.436 cá nhân; đã chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố 06 vụ, 05 bị can về tội danh "Vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm" theo Điều 244 BLHS năm 1999 (sửa đổi năm 2009) và một số tội danh khác có liên quan đến an toàn thực phẩm; xử lý vi phạm hành chính 5.402 vụ, 624 tổ chức, 4.812 cá nhân, số tiền xử phạt là 35.989,09 triệu đồng; chuyển cơ quan khác xử lý 546 vụ, 504 đối tượng, đang điều tra, xử lý 142 vụ, 55 đối tượng; tịch thu, buộc tiêu hủy nhiều hàng hóa thực phẩm không đảm bảo an toàn cho sức khỏe con người. Ngoài ra, lực lượng Cảnh sát môi trường còn phát hiện 282 vụ vi phạm các quy định về thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật có liên quan đến an toàn thực phẩm; xử phạt vi phạm hành chính 257 vụ, 235 cá nhân, 26 tổ chức với số tiền phạt là 1.585,124 triệu đồng.

+ Trong 9 tháng đầu năm 2018, đã phát hiện 4.732 vụ vi phạm pháp luật về ATTP với 4.049 cá nhân, 525 tổ chức vi phạm. Trong đó: Đã chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố 05 vụ, 10 bị can về tội "Vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm" theo Điều 317 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và một số tội danh khác có liên quan đến an toàn thực phẩm: "Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh" theo Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi năm 2009) và "Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm" theo Điều 193 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt vi phạm hành chính 3.453 vụ, 2.956 cá nhân, 379 tổ chức với số tiền xử phạt là 14.252.472.000 đồng; buộc tiêu hủy nhiều hàng hóa thực phẩm không đảm bảo an toàn cho sức khỏe con người bao gồm các loại: bánh kẹo, rượu, bia, mì chính, thực phẩm chức năng, nội tạng, phủ tạng động vật, phụ gia thực phẩm...

Có thể nói công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai đồng bộ, quyết liệt từ Trung ương đến địa phương, có sự vào cuộc của các cấp, các ngành chức năng có liên quan như Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Công an, Khoa học và Công nghệ, Hải quan... Trong quá trình thanh tra, kiểm tra hầu hết các trường hợp vi phạm được phát hiện, xử lý bằng nhiều hình thức khác nhau, đảm bảo

---

<sup>5</sup>Hàng hóa vi phạm bị thu giữ là: 35.692 chai và 10.501 lít rượu; 7.477 lon bia; 17.359 chai, lon nước giải khát; 89.028 kg và 58.218 hộp, gói bánh kẹo; 19.494 hộp và 1.301 thùng sữa chế biến; 29 kg và 1.420 chai dầu thực vật; 48.956 gói và 38.385 kg sản phẩm chế biến bột và tinh bột; 68.468 kg rau, củ, nông sản; 32.515 kg hoa quả; 944 kg và 111.775 con gia cầm và thịt gia cầm các loại; 129.480 quả trứng gia cầm; 60.669 kg và 1.919 con gia súc và thịt gia súc các loại; 15.168 kg phụ phẩm gia súc; 42.560 kg con thủy, hải sản; 286.604 kg và 174.697 hộp, gói thực phẩm các loại.

đúng pháp luật, được công khai kịp thời trên phương tiện thông tin đại chúng giúp người dân có thông tin để lựa chọn thực phẩm an toàn. Năng lực của các đoàn thanh, kiểm tra được nâng lên, đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nhiều vụ vi phạm ngay cả khi hàng hóa vi phạm còn để trong kho, chưa đưa ra lưu hành trên thị trường.

**6. Bố trí đủ ngân sách cho công tác quản lý ATTP theo dự toán. Tăng cường xã hội hóa, đa dạng các nguồn lực tài chính và một số khâu dịch vụ kỹ thuật; thực hiện tốt việc đánh giá, công nhận các cơ sở thực hiện xã hội hóa quản lý ATTP và chỉ định các cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện kiểm nghiệm về ATTP tham gia kiểm định, giám định chất lượng thực phẩm; phối hợp với hoạt động giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội**

a) Về bố trí ngân sách cho công tác quản lý ATTP:

- Ngân sách nhà nước đã đảm bảo kinh phí thực hiện công tác quản lý nhà nước về ATTP cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Bố trí từ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ): năm 2017, ngân sách trung ương đã bố trí 489.606 triệu đồng (trong đó 394.051 triệu đồng thực hiện dự án ATTP, 95.555 triệu đồng kinh phí truyền thông về ATTP); năm 2018: 251.000 triệu đồng (trong đó 201.000 triệu đồng thực hiện Dự án ATTP, 50.000 triệu đồng kinh phí truyền thông về ATTP).

Ngoài ra, kinh phí cho công tác quản lý ATTP tại địa phương còn được đảm bảo bố trí tương ứng với số thu tiền xử phạt vi phạm hành chính về ATTP nộp ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 27/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và Nghị quyết số 43/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật về ATTP.

b) Về đánh giá, công nhận, chỉ định cơ sở kiểm nghiệm ATTP:

Về hệ thống kiểm nghiệm tại địa phương, đến nay đã có 55 tỉnh, thành phố có phòng kiểm nghiệm được công nhận ISO 17025. Bộ Y tế đã chỉ định được 38 cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về ATTP.

Đối với lĩnh vực kiểm nghiệm thực phẩm tuyến tỉnh, một số tỉnh giao Trung tâm Y tế dự phòng thực hiện; một số tỉnh giao Trung tâm Kiểm nghiệm hoặc Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm; một số tỉnh tồn tại song song 2 hệ thống kiểm nghiệm thực phẩm hoặc thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC), cụ thể:

- Có 31 tỉnh giao Trung tâm Y tế dự phòng, trong đó 26/31 tỉnh có phòng kiểm nghiệm của TTYTDP đạt chuẩn ISO:IEC 17025; 05/31 tỉnh đang trong quá trình triển khai, xây dựng hệ thống.



- Có 10 tỉnh giao Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương theo Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV, trong đó 06/10 tỉnh có phòng kiểm nghiệm của TTKN đạt chuẩn ISO:IEC 17025; 04/10 tỉnh đang trong quá trình triển khai, xây dựng hệ thống.

- Có 14 tỉnh giao nhiệm vụ kiểm nghiệm thực phẩm đồng thời cho cả 2 đơn vị là Trung tâm Y tế dự phòng và Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh.

- Có 08 tỉnh giao Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, trong đó 7/8 tỉnh có phòng kiểm nghiệm của CDC đạt chuẩn ISO:IEC 17025; 1/8 tỉnh đang trong quá trình triển khai, xây dựng hệ thống.

Bộ Nông nghiệp&PTNT cũng đã chỉ định thêm 3 phòng kiểm nghiệm ATTP và đa lĩnh vực của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; 02 phòng thử nghiệm lĩnh vực chăn nuôi, thú y, 01 phòng thử nghiệm giống cây trồng. Lũy kế đến nay Bộ đã chỉ định 89 Phòng thử nghiệm còn hiệu lực, 22 tổ chức chứng nhận hợp quy còn hiệu lực để phục vụ công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm; trong đó có 29 Phòng thử nghiệm, 04 tổ chức chứng nhận hợp quy về an toàn thực phẩm còn hiệu lực.

c) Về phối hợp với hoạt động giám sát của các tổ chức chính trị xã hội:

Bộ Nông nghiệp &PTNT đang tăng cường phối hợp liên ngành với Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Hải quan,... trong xây dựng cơ chế chính sách và thực thi thanh tra, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm trong quản lý vật tư nông nghiệp và ATTP đặc biệt trong ngăn chặn chất cấm, thuốc BVTV ngoài danh mục, đưa tạp chất vào tôm, bơm nước, tiêm thuốc an thần vào gia súc trước khi giết mổ...

Về chương trình phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam, thực hiện Chương trình phối hợp số 90/CTrPH/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 30/3/2016 về vận động và giám sát bảo đảm ATTP giai đoạn 2016 - 2020, các bộ đã ban hành các hướng dẫn, kế hoạch thực hiện Chương trình và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phối hợp này<sup>6</sup>, đa số các tỉnh đều có Kế hoạch phối hợp với mặt trận cùng cấp. Hiện tại Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đang phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình phối hợp số 526/CTPH-CP-HNDVN-HLHPNVN ngày 03/11/2017 về tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2017-2020: Bộ Nông nghiệp&PTNT đã phối hợp với Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam xây dựng tài liệu tập huấn, sổ tay hướng dẫn, sản phẩm truyền thông thực hiện Chương trình phối hợp số 526/CTPH-HNDVN-HLHPNVN ngày 03/11/2017 về "Tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh

---

<sup>6</sup>Quyết định số 2358/QĐ-BYT ngày 07/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thực hiện Chương trình vận động và giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch số 7608/KH-BNN-QLCL ngày 07/9/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thực hiện Chương trình phối hợp 90 của Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về vận động và giám sát an toàn thực phẩm 02 năm 2016 -2017; Quyết định số 2690/QĐ-BCT ngày 28/9/2016 về việc Ban hành Kế hoạch của Bộ Công Thương thực hiện Kế hoạch số 271/KH-MTTW-BTT ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2017-2020" và phát cho hội viên; phối hợp với 02 Hội tổ chức 05 lớp đào tạo cho khoảng 200 cán bộ Trung ương hội và Tỉnh hội cả nước tại Lâm Đồng, Vĩnh Phúc, Vũng Tàu, Ninh Bình, TP. Hồ Chí Minh.

## **7. Công tác thông tin giáo dục, truyền thông**

Hoạt động tuyên truyền giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng đã được các bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh, đặc biệt tập trung vào dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, Tết Trung thu... theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm nâng cao vai trò của UBND các cấp, vai trò quản lý của các cơ quan chức năng, trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, trách nhiệm của cộng đồng trong công tác bảo đảm ATTP.

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam liên tục phát sóng thông điệp về bảo đảm ATTP và phòng ngừa ngộ độc thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2017, 2018 vào khung giờ cao điểm của tất cả các ngày trong tuần, liên tục trong 1 tháng/1 thông điệp, cùng với đó là các phóng sự, sự kiện và bình luận, gameshow, talkshow, tin, bài về phổ biến kiến thức, các chương trình chuyên đề về sức khỏe, đời sống liên tục được các đài chuyên tải phát trên các kênh. Bên cạnh việc lồng ghép tuyên truyền sự kiện trong các bản tin hàng ngày, nhiều Đài phát thanh - truyền hình đã xây dựng, phát sóng các chương trình phóng sự, truyền hình trực tiếp, hay chuyên mục có tính định kỳ, đảm bảo thông tin hấp dẫn, đa dạng và thiết thực, tiêu biểu như: phổ biến Nghị định 15/2018/NĐ-CP, tin thanh kiểm tra liên ngành ATTP; thông điệp "Bảo đảm ATTP trong dịp Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" và thông điệp "Bảo đảm an toàn thực phẩm trong mùa hè".

- Năm 2017: Trên 13 đầu báo viết và một số báo điện tử đã đăng trên 1.000 tin bài về thực phẩm, trong đó có khoảng 500 tin, bài về quản lý ATTP, tập trung thông tin, phổ biến, hướng dẫn sử dụng, lựa chọn thực phẩm, thông tin về hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội, Tháng hành động. Bên cạnh đó, trên trang điện tử Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế đã đăng tải 585 tin, bài có nội dung phản ánh thông tin, bài tuyên truyền phổ biến kiến thức đến người dân trong vấn đề đảm bảo ATTP; đăng tải kịp thời các thông tin chỉ đạo địa phương trong quản lý ATTP, phòng ngừa NĐTP. Ngoài ra Fanpage và Facebook của Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế cũng đăng tải thường xuyên các tin tức, sự kiện liên quan đến hoạt động quản lý ATTP. Tính đến hết năm 2017 đã có gần 117 triệu lượt truy cập trên trang điện tử của Cục, trung bình mỗi tháng có gần 2.000.000 lượt truy cập.

Tại địa phương, các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, đặc biệt là hệ thống loa truyền thanh của xã, phường đã thực hiện đăng tải các thông tin, các chuyên đề, các chương trình phổ biến kiến thức về ATTP, phòng chống ngộ độc

thực phẩm. Tổng số tin, bài về chủ đề VSATTP được phát sóng trên hệ thống phát thanh là 42.404 tin, bài với 657.237 lượt phát sóng; trên truyền hình là 4.675 tin, bài với 17.103 lượt phát sóng, báo viết 9.936 tin, bài, trang tin điện tử: 5.045 tin, bài. Các địa phương cũng đã chú trọng hơn về công tác truyền thông về ATTP, đã in, phát hơn 1 triệu tờ gấp, tờ rơi, tờ dán, băng rôn, khẩu hiệu, áp phích...; tổ chức hơn 51 nghìn hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn tuyên truyền về đảm bảo ATTP cho gần 3 triệu lượt tham dự.

- Trong 9 tháng đầu năm 2018, Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) đã xây dựng nội dung tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: 33 tọa đàm, tiểu phẩm; 95 phóng sự, 44 tin. Xây dựng kế hoạch nội dung tuyên truyền trên chương trình FM sức khỏe trên hệ VOV giao thông quốc gia- Đài tiếng nói Việt Nam và trên hệ Kênh Sức khỏe và An toàn thực phẩm - Đài Tiếng nói Việt Nam: 21 tọa đàm, tiểu phẩm; 104 phóng sự; 160 tin; phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí viết bài và đã đăng tải 542 bài thể loại phỏng vấn, phóng sự, 425 ảnh trên 22 đầu báo tuyên truyền về: bảo đảm ATTP Tết Mậu Tuất & mùa lễ hội 2018; phổ biến Nghị định 15/2018/NĐ-CP; tuyên truyền về bảo đảm ATTP trong Tháng hành động 2018; thông điệp “Bảo đảm ATTP dịp Tết Trung thu năm 2018”; phổ biến kiến thức cũng như cảnh báo kịp thời các nguy cơ mất an toàn thực phẩm...; xây dựng nội dung và sản xuất: 80 đĩa hình, 80 đĩa tiếng về thông điệp tuyên truyền với các chủ đề “Bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên Đán”; 80 đĩa hình, 80 đĩa tiếng về thông điệp Tháng hành động chủ đề “Tăng cường trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm”; 80 đĩa hình, 80 đĩa tiếng về thông điệp tuyên truyền đảm bảo an toàn thực phẩm mùa hè; 80 đĩa hình, 80 đĩa tiếng về thông điệp tuyên truyền đảm bảo an toàn thực phẩm Tết Trung thu. Trên 13 đầu báo viết và một số báo điện tử đã đăng trên 1.000 tin bài về thực phẩm, trong đó khoảng gần 400 tin, bài về quản lý ATTP, tính đến nay đã có hơn 128 triệu lượt truy cập trên trang điện tử của Cục.

Thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới, trong đó giao Bộ Y tế chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”. Bộ Y tế đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2017, 2018. Lễ phát động Tháng hành động vì ATTP được diễn ra tại các địa phương. Bộ Y tế đã tham mưu cho Ban CDLNTU VSATTP ban hành các văn bản gửi Chủ tịch UBND các tỉnh thành phố trực thuộc TW, gửi các bộ, ban, ngành để triển khai Kế hoạch. Các bộ Nông nghiệp & PTNT, Công Thương, Công An đã ban hành các văn bản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc theo hệ thống ngành dọc thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng nhằm triển khai có hiệu quả Kế hoạch.

Kết thúc Tháng hành động Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả tổng kết thực hiện “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”.

Công tác thông tin, truyền thông về chất lượng vật tư nông nghiệp cũng đã đẩy mạnh, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành vi của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng. Trong 09 tháng đầu năm tại Trung ương và địa phương, ngành nông nghiệp đã tổ chức gần 5.000 lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo tuyên truyền, phổ biến kiến thức an toàn thực phẩm cho hơn 300.000 người là nông dân, người sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản; sản xuất, phát hành 3.512 sản phẩm truyền thông như phóng sự, tin bài, video clip, 162.884 băng rôn, khẩu hiệu, áp phích, tờ gấp, tờ rơi, tờ dán). Đẩy mạnh giới thiệu, quảng bá các mô hình sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn như đã phát sóng hàng ngày trên VTV chương trình "Nông nghiệp sạch cho người Việt Nam, cho thế giới" giới thiệu các địa chỉ sản xuất, kinh doanh nông sản an toàn tại 63 tỉnh/thành phố trên cả nước; cập nhật và quảng bá danh mục chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn; tổ chức các phiên chợ, hội chợ nông sản thực phẩm an toàn...

Triển khai thực hiện Chương trình phối hợp số 526 CTPH-HNDVN-HLHPNVN ngày 03/11/2017 về "Tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2017-2020", Bộ Nông nghiệp & PTNT đã phối hợp với Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam xây dựng tài liệu tập huấn, sổ tay hướng dẫn, sản phẩm truyền thông thực hiện Chương trình và phát cho hội viên; phối hợp với 02 Hội tổ chức 05 lớp đào tạo cho khoảng 200 cán bộ Trung ương hội và Tỉnh hội cả nước tại Lâm Đồng, Vĩnh Phúc, Bà Rịa Vũng Tàu, Ninh Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Bộ Công Thương đã chủ động, tích cực phối hợp với các bộ, ngành triển khai thực hiện chương trình phối hợp giữa Chính phủ và Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về tuyên truyền, vận động và giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm (Chương trình phối hợp 90); Chương trình phối hợp giữa Chính phủ và Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2017 - 2020 (Chương trình phối hợp 526). Phối hợp cùng các cơ quan truyền thông (Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam) thực hiện chuyên mục về vệ sinh an toàn thực phẩm. Bộ cũng chỉ đạo Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương triển khai, đưa tin bài, tuyên truyền các hoạt động về an toàn thực phẩm nói chung và ngành Công Thương nói riêng. Tổ chức Lễ phát động "Triệu chữ ký" vì an toàn thực phẩm, đến nay đã có 1.144.168 lượt người ký tên hưởng ứng chương trình "Hành động về an toàn thực phẩm". Hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng hóa chất được quy định tại Danh mục phụ gia, hóa chất được phép sử dụng trong các cuộc Hội nghị, Hội thảo do các bộ, ngành và địa phương tổ chức. Chỉ đạo Vụ Thị trường trong nước phối hợp với Báo Công Thương tổ chức Hội thảo "Chính sách pháp luật mới về An toàn thực phẩm và hành động của Doanh nghiệp vì sức khỏe cộng đồng" tại Hà Nội. Phối hợp với Tạp chí Công Thương tổ chức các hoạt động truyền thông "Hành động về an toàn thực phẩm", "Đồng hành cùng doanh nghiệp, phát triển thương hiệu thực phẩm an toàn" với chủ đề "Kết nối phát triển thương hiệu thực phẩm an toàn gắn với bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng". Chỉ đạo Báo Công Thương xây dựng chương

trình tuyên truyền chuyên mục “An toàn thực phẩm” trên Báo Công Thương giấy và Báo Công Thương điện tử tại địa chỉ [www.baocongthuong.com.vn](http://www.baocongthuong.com.vn) và chuẩn bị triển khai thực hiện Chuyên mục Ngon sạch 3 miền trên kênh của Đài truyền hình Việt Nam, dự kiến thời gian phát sóng khoảng 20h thứ Tư hàng tuần, bắt đầu từ tháng 10 năm 2018.

Trong khuôn khổ Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, Bộ Công Thương đã tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng bán hàng Việt Nam lồng ghép nội dung an toàn thực phẩm, tổ chức các hội nghị kết nối cung cầu thực phẩm an toàn và hướng dẫn Sở Công Thương một số địa phương xây dựng điểm bán hàng Việt Nam với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam” phân phối thực phẩm an toàn.

Ngoài ra, để tăng cường công tác truyền thông, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Thông tin Truyền thông phối hợp với báo chí, bộ ngành tuyên truyền khách quan, trung thực, kịp thời về ATTP, nhất là các điển hình sản xuất, chế biến, lưu thông thực phẩm an toàn và các vụ việc vi phạm về ATTP.

Bên cạnh đó, các Bộ đã thành lập đường dây nóng tiếp nhận và xử lý kịp thời các thông tin vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

#### **8. Công tác đào tạo, tăng cường tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức đào tạo lại cán bộ quản lý, thanh tra, kiểm nghiệm tại các tuyến;**

Công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ quản lý, thanh tra, kiểm nghiệm luôn được các bộ, ngành quan tâm, tổ chức thực hiện.

Từ năm 2002, Bộ Y tế đã triển khai xây dựng chương trình, tài liệu và đã giao cho các trường Đại học: Y Hà Nội, Y Thái Bình, Thanh tra Bộ phối hợp với Thanh tra Chính phủ đào tạo cấp trên 3.000 chứng chỉ quản lý về ATTP và bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho cán bộ hệ thống mạng lưới. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cấp mã ngành về xét nghiệm ATTP từ năm 2006 và Bộ Y tế đã đồng ý cho trường Đại học Y Thái Bình mở mã ngành đào tạo chuyên khoa cấp I về ATTP, từ năm 2011 đến nay đã đào tạo được cho trên 120 người, ngoài ra, một số trường đã được cấp mã đào tạo Thạc sĩ Dinh dưỡng. Sắp tới, Bộ Y tế tiếp tục kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho mở mã ngành riêng cho lĩnh vực ATTP (không chung với Dinh dưỡng nữa). Tại địa phương, theo số liệu báo cáo của 63 Chi cục: Tổng số cán bộ của hệ thống Chi cục: 1219 cán bộ trong đó chuyên ngành đào tạo Bác sĩ 166 cán bộ chiếm tỷ lệ (13,62%), dược sĩ 21 cán bộ chiếm tỷ lệ (1,72%), kỹ sư 523 cán bộ chiếm tỷ lệ (42,9%), y tế công cộng 38 cán bộ chiếm tỷ lệ (3,12%) và các chuyên ngành khác 471 cán bộ (kế toán, luật...) chiếm tỷ lệ (38,64%).

Năm 2017, Bộ Y tế đã tổ chức 02 lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành ATTP cho 100 cán bộ làm công tác thanh tra ATTP và 08 lớp đào tạo cấp chứng chỉ về ATTP cho 320 cán bộ làm công tác ATTP tại các tỉnh/thành phố. Ngoài ra, phối hợp các đơn vị Bộ, ngành liên quan tổ chức 25 lớp tập huấn nâng cao

kiến thức ATTP cho khoảng 2.500 học viên là cán bộ công đoàn và công nhân viên chức lao động ngành Y tế, cán bộ tại các Chi cục, Trung tâm y tế, Phòng y tế và các đơn vị liên quan. Nghị quyết về việc thí điểm thực hiện thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tại huyện, quận, thị xã và xã, phường, thị trấn của 07 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được Chính phủ ban hành (Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 23/3/2018). Trên tinh thần đó, trong 9 tháng đầu năm 2018, Bộ Y tế đã xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tại huyện, quận, thị xã và xã, phường, thị trấn của 09 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (mở rộng 7 tỉnh/thành phố và tiếp tục triển khai tại Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh) và đã trình Thủ tướng Chính phủ để xem xét ban hành. Sau khi Quyết định được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Y tế sẽ phối hợp với các bộ, ngành và đơn vị liên quan triển khai tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về thanh tra chuyên ngành cho các cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tại 9 tỉnh, thành phố trên.

Bộ Nông nghiệp & PTNT, năm 2017 đã mở 12 lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho 422 công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trên toàn quốc; 10 lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho 518 cán bộ làm công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản; đào tạo chuyên gia đánh giá trường hệ thống quản lý phòng thử nghiệm theo ISO 17025, hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 17065:2015, ISO 17021 cho 55 học viên; 9 lớp tập huấn về nghiệp vụ chuyên ngành thú y cho khoảng 170 học viên là cán bộ thuộc các Chi cục Thú y vùng, Chi cục Chăn nuôi thú y các tỉnh, thành phố trên cả nước; tổ chức đào tạo cho 225 cán bộ về cập nhật tiêu chuẩn cho chuyên gia đánh giá VietGAP, giảng viên ToT VietGAP cho địa phương; đào tạo cho 390 cán bộ quản lý địa phương về nghiệp vụ chuyên ngành trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ giai đoạn 2016-2020, Bộ Nông nghiệp & PTNT trong 9 tháng đầu năm đang tổ chức 10 khóa đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, 09 lớp tập huấn về kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y, lấy mẫu sản phẩm phân bón cho gần 1000 lượt cán bộ làm công tác quản lý tại địa phương. Các tỉnh/thành phố cũng đã tích cực tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với 60 lớp cho hơn 3.000 học viên trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, Bộ Công thương đã tổ chức 18 lớp tập huấn gồm có 9 lớp tập huấn kiến thức phổ biến các quy định mới trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm và 9 lớp đào tạo cấp chứng chỉ Người lấy mẫu thực phẩm cho 1.461 công chức, kiểm soát viên thị trường của cơ quan Quản lý thị trường Trung ương và địa phương. Tính đến nay đã tổ chức được 24 lớp tập huấn về an toàn thực phẩm cho các hộ kinh doanh tại chợ và 54 lớp tập huấn an toàn thực phẩm cho các đối tượng kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương tại hơn 20 tỉnh với gần 8.000 học viên tham dự.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được:**

Sau 1 năm triển khai Nghị quyết đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, 08 nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết đã được triển khai đồng bộ và đã có sự thay đổi cơ bản sau giám sát, thể hiện sự quan tâm vào cuộc của các bộ, ngành và địa phương, cụ thể:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ATTP đã được ban hành tương đối đầy đủ, phủ kín các đối tượng, công đoạn trong chuỗi sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về ATTP.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai đồng bộ, quyết liệt từ Trung ương đến địa phương, có sự vào cuộc của các cấp, các ngành chức năng có liên quan. Việc xử lý vi phạm nghiêm minh hơn, số tiền xử phạt đã tăng lên nhiều lần so với trước.

- Năng lực của các đoàn thanh, kiểm tra được nâng lên, đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nhiều vụ vi phạm với nhiều hình thức khác nhau, đảm bảo đúng pháp luật, được công khai kịp thời trên phương tiện thông tin đại chúng giúp người dân có thông tin để lựa chọn thực phẩm an toàn.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra đã kết hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về bảo đảm ATTP của toàn xã hội. Đã có sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan truyền thông trong thông tin cảnh báo các sản phẩm, các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản kém chất lượng, không đảm bảo ATTP cũng như giới thiệu, quảng bá các cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo ATTP, các chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng;

- Duy trì được mạng lưới triển khai các hoạt động quản lý nhà nước về quản lý chất lượng an toàn thực phẩm từ cấp Bộ đến địa phương.

- Thường xuyên chỉ đạo kịp thời, đúng hướng, phân công cụ thể trách nhiệm và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Công tác giám sát và phân tích nguy cơ tiếp tục được duy trì và triển khai bài bản, đã kịp thời đưa ra cảnh báo và xử lý các trường hợp, sự cố mất ATTP, thông tin kịp thời đến người tiêu dùng.

- Công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm được triển khai quyết liệt và đồng bộ (số vụ, số người mắc, số đi viện và số người tử vong đều giảm), đảm bảo ATTP tại các sự kiện, hội nghị.

### **2. Tồn tại:**

- Việc thực thi pháp luật tại địa phương còn chưa đạt yêu cầu. Ở nhiều địa phương mặc dù tổ chức thanh, kiểm tra nhiều nhưng tỷ lệ xử lý thấp, kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, vẫn còn có sự đùn đẩy trách nhiệm giữa các ngành có liên quan.

- Việc xử lý dứt điểm một số tồn tại như lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất, kháng sinh trong sản xuất nông sản, thủy sản; sử dụng phụ gia thực phẩm trong chế biến thực phẩm; giết mổ không đảm bảo ATTP... còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu đảm bảo ATTP cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Tình hình buôn lậu thực phẩm qua biên giới với sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ, bước đầu đã có hiệu quả nhưng còn diễn biến phức tạp. Đặc biệt đối với các thực phẩm sinh lời cao như thực phẩm chức năng rất dễ dẫn đến làm giả và buôn lậu. Thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ; vi phạm về chất lượng, hết hạn sử dụng...chưa được kiểm soát chặt chẽ, đang có nguy cơ đưa vào tiêu thụ tại các chợ truyền thống, vùng sâu, vùng xa.

- Tình trạng làm giả giấy tờ của cơ quan tổ chức về lĩnh vực thực phẩm được các đối tượng thực hiện rất tinh vi, các cơ quan chức năng khó kiểm soát.

- Việc quản lý quảng cáo trên mạng xã hội (facebook, youtube...), trang thông tin điện tử có tên miền từ nước ngoài gặp nhiều khó khăn trong quản lý nội dung quảng cáo, không xác định được chủ thể quảng cáo vi phạm và không có cơ sở để xử lý vi phạm. Đặc biệt một số website chủ thể đặt máy chủ tại nước ngoài nên cơ quan quản lý nhà nước khó kiểm soát, khó xử lý.

- Sự phối hợp giữa các lực lượng trong xử lý vi phạm về ATTP còn chưa chặt chẽ, đặc biệt trong việc phối hợp trao đổi thông tin.

- Tình trạng một số tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe nhưng không đăng ký bản công bố, bán hàng online quảng cáo, tư vấn lừa dối người tiêu dùng còn diễn biến phức tạp.

### **3. Nguyên nhân**

#### **a) Nguyên nhân chủ quan**

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, lãnh đạo quản lý về vai trò của ATTP chưa đầy đủ; lực lượng thực thi các nhiệm vụ quản lý nhà nước còn yếu kém; nhận thức, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng về công tác đảm bảo ATTP còn hạn chế.

- Mặc dù đã được Chính phủ quan tâm nhưng đầu tư kinh phí cho công tác quản lý ATTP ở nước ta còn rất thấp<sup>7</sup>.

- Lực lượng cán bộ quản lý ATTP còn thiếu về số lượng và yếu về chuyên môn. Lực lượng thanh tra hiện còn quá mỏng, đặc biệt là so với các nước khu vực Châu Á như: Bắc Kinh, Trung Quốc có trên 5.000 thanh tra viên ATTP, Nhật bản có trên 12.000 thanh tra viên ATTP, trong khi ở nước ta có khoảng trên 1.000 người

<sup>7</sup> Kinh phí giai đoạn 2001 – 2005 chỉ bằng 1/25 của Thái Lan (Thái Lan là 1USD/người/năm; Việt Nam là 780 đồng/người/năm), giai đoạn 2006 - 2010 kinh phí được tăng lên khoảng 1.600 đồng/người/năm, năm 2014 kinh phí lại bị cắt giảm 60% so với năm 2013, do vậy giai đoạn 2011- 2015 bình quân đầu người mới chỉ đạt khoảng 2.800 đồng/người/năm, trong khi tại Bắc Kinh mỗi năm thành phố chi trên 100.000 đồng/người).



được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành ATTP (vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác).

- Nước ta mới triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về ATTP được trên 10 năm, một thời gian quá ngắn để giải quyết vấn đề quá lớn đó là vấn đề ATTP.

- Xuất phát điểm của công tác quản lý ATTP ở Việt Nam thấp hơn các nước trên thế giới và trong khu vực (Nhật Bản có quy định về ATTP từ năm 1947, Việt Nam năm 2010).

#### b) Nguyên nhân khách quan

- An toàn thực phẩm là lĩnh vực cần có sự tham gia và phối hợp của toàn xã hội. Rủi ro do sử dụng thực phẩm là rất khó tránh, ngay cả các nước phát triển có hệ thống quản lý, giám sát, hệ thống pháp luật đồng bộ, đời sống của người dân cao,... nhưng các sự cố về ATTP vẫn xảy ra<sup>8</sup>.

- Các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm ở nước ta chủ yếu là nhỏ lẻ, sản xuất theo mùa vụ (cả nước có gần 10 triệu hộ nông dân, nhà nào cũng trồng rau, nuôi gà, thả cá, trồng lúa, sử dụng không hết thì bán ra thị trường, cả nước có gần 500 nghìn cơ sở chế biến thực phẩm thì 85% là quy mô vừa và nhỏ, quy mô hộ gia đình, sản xuất theo mùa vụ nên việc đầu tư trang thiết bị, nhà xưởng còn hạn chế). Đây là mô hình đã tồn tại hàng trăm năm, không thể vì vấn đề ATTP mà chúng ta dẹp bỏ ngay được mà phải vận động dần dần.

- Trong nhân dân còn tồn tại nhiều tập quán sử dụng thực phẩm không bảo đảm như: Ăn tiết canh, ăn gỏi cá, thói quen chế biến, sử dụng thực phẩm tại hộ gia đình không đảm bảo... Những hành vi này không thể dùng biện pháp hành chính để thay đổi thói quen mà phải vận động, tuyên truyền, phải cần có thời gian.

- Một bộ phận người dân đời sống kinh tế còn thấp (nhất là ở vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa) nên họ không có điều kiện kinh tế để mua và sử dụng thực phẩm chất lượng cao mà vẫn phải chấp nhận sử dụng thực phẩm trôi nổi, giá rẻ mặc dù biết nguy cơ ngộ độc thực phẩm có thể xảy ra.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng ngoài tác động ô nhiễm trực tiếp đến thực phẩm còn là nguyên nhân dẫn đến phát sinh dịch bệnh, là nguyên nhân dẫn đến lạm dụng thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất...

- Trong quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam có cơ hội để xuất khẩu thực phẩm, đồng thời cũng tiếp cận được nhiều hơn với các thực phẩm nhập khẩu từ nước ngoài. Nhưng nếu hệ thống quản lý không mạnh thì rất dễ biến nước ta thành thị trường tiêu thụ các loại thực phẩm không bảo đảm an toàn của các nước khác.

---

<sup>8</sup> Tại Mỹ mỗi năm vẫn có 48 triệu ca tiêu chảy liên quan đến thực phẩm, ở Anh là 190 ca/100.000 dân, ở Úc là 4,2 triệu ca ngộ độc thực phẩm/năm, riêng Việt Nam là 6,2 ca/100.000 dân. Các sự cố lớn về ATTP như: Melamine trong sữa, chất tạo đục,... đều xuất phát từ các nước phát triển. Nhật Bản năm 2013 đã từng xảy ra những vụ ngộ độc thực phẩm làm hàng nghìn người mắc. Tháng 7/2013 tại Ấn Độ cũng xảy ra vụ ngộ độc tại trường học làm gần 30 học sinh tử vong.

- Nước ta có đường biên giới trên đất liền, nhiều cửa khẩu đường sông, biển nên việc kiểm soát hàng hóa thực phẩm nhập khẩu rất khó khăn, đặc biệt là kiểm soát thực phẩm nhập khẩu qua đường tiểu ngạch, thực phẩm nhập lậu.

### **III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Đối với Quốc hội**

Tăng cường giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 34/2009/NQ-QH12 ngày 19/6/2009 về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, VSATTP, đặc biệt là đối với vấn đề bố trí kinh phí đảm bảo đủ mức cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quản lý ATTP và Nghị quyết số 43/2017/QH14 về đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật về ATTP giai đoạn 2016-2020.

#### **2. Đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành liên quan triển khai Chương trình phối hợp 90/CTrPH/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 30/3/2016 của Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công tác tuyên truyền, vận động các hộ gia đình ký cam kết đảm bảo ATTP và giám sát thực hiện pháp luật về ATTP.

#### **3. Đối với Ủy ban nhân dân các cấp**

- Thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn theo quy định tại Điều 65 của Luật ATTP; Nghị quyết 34/2009/NQ-QH12 về việc đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; Nghị quyết số 47/NQ-CP về phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 6/2014, Nghị quyết số 43/2017/QH14 về đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật về ATTP giai đoạn 2016-2020 và Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP.

- Tăng cường kiểm soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố để thay đổi căn bản về điều kiện vệ sinh đối với cơ sở.

- Chủ động bố trí kinh phí của địa phương cho công tác ATTP để đảm bảo đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm kinh phí do Trung ương cấp).

- Tập trung tăng cường năng lực cho Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ định công chức xã theo dõi công tác ATTP theo Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp triển khai Chương trình 90.

- Tăng cường năng lực cho các Chi cục chuyên ngành như Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật các tỉnh vì đây là lực lượng quan trọng trong chuỗi kiểm soát An toàn thực phẩm đóng vai trò giám sát và quản lý dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, tồn dư kim loại nặng, nitrat và các vi sinh vật có hại trong nông sản.

- Tăng cường quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn.

#### **IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM 2018**

1. Hoàn thiện và trình ban hành Luật Chăn nuôi, Luật Trồng trọt, các văn bản chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi, Luật Trồng trọt; sửa đổi, bổ sung các văn bản về điều kiện đầu tư kinh doanh và kiểm tra chuyên ngành tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn. Ban hành các Thông tư, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ATTP.

2. Triển khai các hoạt động bảo đảm ATTP Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán.

3. Tiếp tục triển khai Chương trình phối hợp số 90/CTrPH/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 30/3/2016 về vận động và giám sát bảo đảm ATTP giai đoạn 2016-2020.

4. Tiếp tục triển khai các chương trình giám sát ATTP trong phạm vi toàn quốc, tập trung vào các vấn đề: sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất, bảo quản nông sản thực phẩm (rau, quả, thủy, hải sản); vệ sinh an toàn trong giết mổ gia súc, gia cầm, nhất là tại các thành phố lớn và các vùng sản xuất nông sản thực phẩm; kinh doanh và sử dụng phụ gia thực phẩm, thực phẩm chức năng. Tiếp tục triển khai hoạt động xây dựng và nhân rộng mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm với mục tiêu đến năm 2020, 100% các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm về ATTP. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ngăn chặn thực phẩm giả, kém chất lượng, gian lận thương mại trong lưu thông, kinh doanh thực phẩm; kiểm soát và xử lý các hành vi buôn bán, vận chuyển gia súc, gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, chưa qua kiểm dịch trên địa bàn; phát hiện và xử lý nghiêm các đối tượng buôn lậu, sản xuất và buôn bán thực phẩm kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ. Tăng cường công tác kiểm soát ATTP qua biên giới và công tác khảo sát chất lượng ATTP trước mỗi dịp có nhu cầu tăng cao của thực phẩm, nhất là vào dịp cuối năm.

6. Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện thanh, kiểm tra ATTP theo Kế hoạch số 315/KH-BCĐTƯATTP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Ban Chỉ đạo Liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm và thực hiện Chỉ thị số

13/CT-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

7. Xây dựng kế hoạch triển khai đợt thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán 2019 và kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2019 của Ban Chỉ đạo liên ngành trung ương về an toàn thực phẩm và của các bộ, ngành.

8. Tiếp tục củng cố tổ chức, tăng cường năng lực cho các Chi cục An toàn thực phẩm, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản và các cơ quan quản lý về ATTP của địa phương. Tăng đầu tư cho hoạt động bảo đảm ATTP.

9. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tiếp tục tuyên truyền, phổ biến kiến thức về bảo đảm ATTP cho các nhóm đối tượng. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ địa phương về chuyên môn nghiệp vụ quản lý và kiểm soát ATTP.

10. Tiếp tục theo dõi và xử lý kịp thời các sự cố mất ATTP. Chủ động đánh giá, cung cấp kịp thời thông tin ATTP cho người tiêu dùng, tránh để người dân thiếu thông tin dẫn đến hiểu lầm, hoang mang; hướng dẫn người sản xuất, kinh doanh cải thiện điều kiện đảm bảo ATTP, người tiêu dùng biết cách lựa chọn thực phẩm an toàn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng; các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;
- TTKQH;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg và các PTTg, TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, QHDP, NN, KTTH;
- Các Bộ: Y tế, NN&PTNT, Công Thương, CA;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). 27

**TM. CHÍNH PHỦ  
TU. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**



**Nguyễn Thị Kim Tiên**

**PHỤ LỤC 1**  
**I. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH NĂM 2017**

STT	Số hiệu/Trích yếu văn bản
<b>I</b>	<b>Luật của Quốc hội</b>
1	Luật Thủy sản ngày 21/11/2017 Quốc hội đã thông qua
<b>II</b>	<b>Nghị định của Chính phủ</b>
1	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.
2	Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa (trong đó có quy định ghi nhãn đối với thực phẩm)
3	Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối
4	Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
5	Nghị định số 55/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về quản lý nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá tra
6	Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y
7	Nghị định số 100/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản
8	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
<b>III</b>	<b>Thông tư của Bộ Y tế</b>
1	Thông tư số 40/2017/TT-BYT ngày 23/10/2017 quy định về tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn đối với thực phẩm, nước ăn uống và định lượng bữa ăn của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam
<b>IV</b>	<b>Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>
1	Thông tư số 01/2017/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2017 bổ sung Danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam.
2	Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.
3	Thông tư số 06/2017/TT-BNNPTNT ngày 08/3/2017 quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại

STT	Số hiệu/Trích yếu văn bản
	Việt nam; công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.
4	Thông tư số 15/2017/TT-BNNPTNT ngày 14/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt nam; công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam
5	Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/04/2017 của chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản
6	Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 ban hành bảng mã HS đối với hàng hóa chuyên ngành xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2017 hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu
8	Thông tư số 28/2017/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2017 ban hành danh mục sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT
9	Thông tư số 30/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
<b>V</b>	<b>Thông tư của Bộ Tài chính</b>
1	Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMT Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020
2	Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018
3	Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/01/2017 quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính

**II. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH  
TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

STT	Số hiệu/Trích yếu văn bản
<b>I</b>	<b>Nghị định, Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định của Chính phủ</b>
1	Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
2	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm
3	Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản
4	Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 23/3/2018 của Chính phủ về thí điểm thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm 7 tỉnh, thành phố.
5	Nghị định số 55/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón
6	Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
7	Nghị định số 64/2018/NĐ-CP ngày 07/5/2018 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thủy sản
8	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
9	Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ
10	Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP
11	Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp
12	Quyết định số 367/QĐ-TTg ngày 2/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phối hợp giữa Chính phủ với Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam về "Tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2017-2020"
13	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

<b>STT</b>	<b>Số hiệu/Trích yếu văn bản</b>
14	Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 04/4/2018 về các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục tình trạng các lô hàng thủy sản Việt Nam bị nước ngoài cảnh báo, trả về.
<b>II</b>	<b>Thông tư của Bộ Y tế</b>
1	Thông tư số 05/2018/TT-BYT ngày 5/4/2018 ban hành Danh mục thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm theo mã số HS trong Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
2	Thông tư số 22/2018/TT-BYT ngày 12/9/2018 quy định danh mục thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc diện kê khai giá.
3	Thông tư số 23/2018/TT-BYT ngày 14/9/2018 quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.
<b>III</b>	<b>Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>
1	Thông tư số 01/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2018 ban hành danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam;
2	Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/01/2018 sửa đổi bổ sung các Thông tư: số 50/2015/TT-BNNPTNT, số 25/2013/TT-BNNPTNT, số 02/2006/TT-BTS, số 62/2008/TT-BNN, số 26/2016/TT-BNNPTNT;
3	Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09/02/2018 ban hành danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng
4	Thông tư số 09/2018/TT-BNNPTNT bãi bỏ một số văn bản QPPL do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp&PTNT ban hành, liên tịch ban hành
5	Thông tư số 06/2018/TT-BNN sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ Nông nghiệp&PTNT quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt
6	Thông tư số 07/2018/TT-BNNPTNT ngày 10/7/2018 quy định về kiểm tra tạp chất trong tôm và sản phẩm tôm



### III. DANH MỤC CÁC QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐÃ BAN HÀNH

#### 1. Bộ Y tế ban hành

TT	Số QCVN	Tên QCVN
<b>I</b>	<b>Vi chất dinh dưỡng bổ sung vào thực phẩm</b>	
1.	3-1:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các chất được sử dụng để bổ sung kẽm vào thực phẩm
2.	3-2:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về acid folic được sử dụng để bổ sung vào thực phẩm
3.	3-3:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các chất được sử dụng để bổ sung sắt vào thực phẩm
4.	3-4:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các chất được sử dụng để bổ sung calci vào thực phẩm
5.	3-5:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các chất được sử dụng để bổ sung Magnesi vào thực phẩm
6.	3-6:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các chất được sử dụng để bổ sung Iod vào thực phẩm
<b>II</b>	<b>Phụ gia thực phẩm</b>	
7.	4-1:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất điều vị
8.	4-2:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất làm ẩm
9.	4-3:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất tạo xốp
10.	4-4:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất chống đông vón
11.	4-5:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất giữ màu
12.	4-6:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất chống oxy hóa
13.	4-7:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất chống tạo bọt
14.	4-8:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất ngọt tổng hợp
15.	4-9:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất làm rắn chắc
16.	4-10:2010/BYT	4-10:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Phẩm màu
17.	4-11:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất điều chỉnh độ acid

18.	4-12:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất bảo quản
19.	4-13:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất ổn định
20.	4-14:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất tạo phức kim loại
21.	4-15:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất xử lý bột
22.	4-16:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm- Chất độn
23.	4-17:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm Chất khí đẩy
24.	4-18:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phụ gia thực phẩm - Nhóm chế phẩm tinh bột
25.	4-19:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phụ gia thực phẩm - Enzym
26.	4-20:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phụ gia thực phẩm - Nhóm chất làm bóng
27.	4-21:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phụ gia thực phẩm - Nhóm chất làm dày
28.	4-22:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phụ gia thực phẩm - Nhóm chất nhũ hóa
29.	4-23:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phụ gia thực phẩm - Nhóm chất tạo bọt
<b>III</b>	<b>Sữa và các sản phẩm sữa</b>	
30.	5-1:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sữa dạng lỏng
31.	5-2:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sữa dạng bột
32.	5-3:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat
33.	5-4:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm chất béo từ sữa
34.	5-5:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sữa lên men
<b>IV</b>	<b>Đồ uống có cồn, không cồn</b>	
35.	6-1:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai
36.	6-2:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
37.	6-3:2010/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với đồ uống có cồn
<b>V</b>	<b>Giới hạn ô nhiễm hóa sinh</b>	
38.	8-1:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

39.	8-2:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
40.	8-3: 2012/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
<b>VI</b>	<b>Thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng</b>	
41.	9-1:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối Iod
42.	9-2:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng
<b>VII</b>	<b>Nước đá</b>	
43.	10:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước đá dùng liền
<b>VIII</b>	<b>Sản phẩm dinh dưỡng công thức</b>	
44.	11-1:2012/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi
45.	11-2:2012/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích y tế đặc biệt cho trẻ đến 12 tháng tuổi
46.	11-3:2012/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi
47.	11-4:2012/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng chế biến từ ngũ cốc cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi
<b>IX</b>	<b>Dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm</b>	
48.	12-1:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp
49.	12-2:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng cao su
50.	12-3:2011/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng kim loại
51.	12-4:2015/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm
<b>X</b>	<b>Thuốc lá</b>	
52.	16-1:2015/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thuốc lá điếu
<b>XI</b>	<b>Hương liệu, Chất hỗ trợ chế biến</b>	
53.	19-1:2015/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hương liệu thực phẩm - hương vani

54.	18-1:2015/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với chất hỗ trợ chế biến thực phẩm - dung môi
-----	---------------	---

## 2. Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành

TT	Số QCVN	Tên QCVN
1	QCVN 01-187:2018	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Thuốc thú y - Yêu cầu chung
2	QCVN 01-188:2018	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc BVTV
3	QCVN 02-30:2018	Chợ đầu mối, chợ đầu giá nông lâm thủy sản - Yêu cầu đảm bảo an toàn thực phẩm

#### IV. DANH MỤC CÁC TCVN ĐÃ CÔNG BỐ

##### 1. Bộ Y tế phối hợp với Bộ KH-CN xây dựng và ban hành

TT	Số hiệu	Tên TCVN
1.	TCVN 8667:2011	Thực phẩm - Xác định dư lượng Diquat và Paraquat bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao
2.	TCVN 8668:2011	Quả - Xác định dư lượng ethephon bằng phương pháp sắc ký khí (GC).
3.	TCVN 8669:2011	Thực phẩm - Xác định hàm lượng Selen bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử với kỹ thuật hydrua hóa (HG-AAS).
4.	TCVN 8670:2011	Thực phẩm - xác định Rhodamin B bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.
5.	TCVN 8894:2012	Bánh phở và các sản phẩm tương tự – Xác định formaldehyt – Phương pháp định tính và bán định lượng
6.	TCVN 8895:2012	Thực phẩm – Xác định natri borat và axit boric – Phương pháp định tính và bán định lượng
7.	TCVN 8896:2012	Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định tert-butyl hydroquinon (TBHQ) bằng phương pháp quang phổ
8.	TCVN 8897:2012	Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định butyl hydroxyanisol (BHA) bằng phương pháp quang phổ
9.	TCVN 8898:2012	Đồ uống có cồn – Xác định hàm lượng các chất dễ bay hơi – Phương pháp sắc ký khí
10.	TCVN 8899:2012 (ISO/TS11059:2009)	Sữa và sản phẩm sữa – Phương pháp định lượng <i>Pseudomonas</i> spp.
11.	TCVN 8900-1:2012	Phụ gia thực phẩm – Xác định các thành phần vô cơ – Phần 1: Hàm lượng nước (Phương pháp chuẩn độ Karl Fischer)
12.	TCVN 8900-2:2012	Phụ gia thực phẩm – Xác định các thành phần vô cơ – Phần 2: Hao hụt khối lượng khi sấy, hàm lượng tro, chất không tan trong nước và chất không tan trong axit

13.	TCVN 8900-3:2012	Phụ gia thực phẩm – Xác định các thành phần vô cơ – Phần 3: Hàm lượng nitơ (Phương pháp Kjeldahl)
14.	TCVN 8900-4:2012	Phụ gia thực phẩm – Xác định các thành phần vô cơ – Phần 4: Hàm lượng phosphat và phosphat mạch vòng
15.	TCVN 8900-5:2012	Phụ gia thực phẩm – Xác định các thành phần vô cơ – Phần 5: Các phép thử giới hạn
16.	TCVN 8900-6:2012	Phụ gia thực phẩm – Xác định các thành phần vô cơ – Phần 6: Định lượng antimon, bari, cadimi, crom, đồng, chì và kẽm bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa
17.	TCVN 8900-7:2012	Phụ gia thực phẩm – Xác định các thành phần vô cơ – Phần 7: Định lượng antimon, bari, cadimi, crom, đồng, chì và kẽm bằng đo phổ phát xạ nguyên tử plasma cảm ứng cao tần (ICP-AES)
18.	TCVN 8900-8:2012	Phụ gia thực phẩm – Xác định các thành phần vô cơ – Phần 8: Định lượng chì và cadimi bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử dùng lò graphit
19.	TCVN 8900-9:2012	Phụ gia thực phẩm – Xác định các thành phần vô cơ – Phần 9: Định lượng asen và antimon bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử hydrua hóa
20.	TCVN 8900-10:2012	Phụ gia thực phẩm – Xác định các thành phần vô cơ – Phần 10: Định lượng thủy ngân bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử hóa hơi lạnh
21.	TCVN 8987-1:2010 (ISO 11212-1:1997)	Tinh bột và sản phẩm tinh bột – Hàm lượng kim loại nặng – Phần 1: Xác định hàm lượng asen bằng phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử
22.	TCVN 8987-2:2010 (ISO 11212-2:1997)	Tinh bột và sản phẩm tinh bột – Hàm lượng kim loại nặng – Phần 2: Xác định hàm lượng thủy ngân bằng phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử
23.	TCVN 8987-3:2010 (ISO 11212-3:1997)	Tinh bột và sản phẩm tinh bột – Hàm lượng kim loại nặng – Phần 3: Xác định hàm lượng chì bằng phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử có lò graphit
24.	TCVN 8987-4:2010 (ISO	Tinh bột và sản phẩm tinh bột – Hàm lượng kim

	11212-4:1997)	loại nặng – Phần 4: Xác định hàm lượng cadimi bằng phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử có lò graphit
25.	TCVN 8988:2012	Vi sinh vật trong thực phẩm – Phương pháp định lượng <i>Vibrio parahaemolyticus</i>
26.	TCVN 8989:2012	Vi sinh vật trong thực phẩm – Phương pháp xác định <i>Aspergillus parasiticus</i> và <i>Aspergillus versicolor</i> giả định
27.	TCVN 9041:2012 (ISO 7466:1986)	Sản phẩm rau quả – Xác định hàm lượng 5-hydroxymethylfurfural (5-HMF)
28.	TCVN 9042-2:2012 (ISO 6558-2:1992)	Rau quả và sản phẩm rau quả – Xác định hàm lượng caroten – Phần 2: Phương pháp thông dụng
29.	TCVN 9043:2012 (AOAC 995.11)	Thực phẩm – Xác định hàm lượng phospho tổng số bằng phương pháp đo màu
30.	TCVN 9044:2012 (EN 15607:2009)	Thực phẩm – Xác định d-biotin bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)
31.	TCVN 9045:2012 (EN 15652:2009)	Thực phẩm – Xác định niacin bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)
32.	TCVN 9046:2012 (ISO 3728:2004)	Kem lạnh thực phẩm và kem sữa – Xác định hàm lượng chất khô tổng số (Phương pháp chuẩn)
33.	TCVN 9047:2012 (ISO 7328:2008)	Kem lạnh thực phẩm chứa sữa và kem lạnh hỗn hợp – Xác định hàm lượng chất béo – Phương pháp khối lượng (Phương pháp chuẩn)
34.	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010)	Sữa, sản phẩm sữa và thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh – Hướng dẫn định lượng melamine và axit xyanuric bằng sắc ký lỏng-khối phổ hai lần (LC-MS/MS)
35.	TCVN 9049:2012 (AOAC 977.26)	Thực phẩm – Xác định <i>Clostridium botulinum</i> và độc tố của chúng bằng phương pháp vi sinh
36.	TCVN 9050:2012 (AOAC 991.43)	Thực phẩm – Xác định xơ tổng số, xơ hòa tan và xơ không hòa tan bằng phương pháp enzym-khối lượng
37.	TCVN 9051-1:2012	Sữa bột, hỗn hợp kem lạnh dạng bột và phomat chế

	(ISO 5765-1:2002)	biên – Xác định hàm lượng lactoza – Phần 1: Phương pháp enzym sử dụng nhóm chức glucoza của lactoza
38.	TCVN 9051-2:2012 (ISO 5765-2:2002)	Sữa bột, hỗn hợp kem lạnh dạng bột và phomat chế biến – Xác định hàm lượng lactoza – Phần 2: Phương pháp enzym sử dụng nhóm chức galactoza của lactoza
39.	TCVN 9052:2012	Phụ gia thực phẩm – Xác định các thành phần hữu
40.	TCVN 9330-1:2012 (ISO 14461-1:2005)	Sữa và sản phẩm sữa – Kiểm soát chất lượng trong phòng thử nghiệm vi sinh vật – Phần 1: Đánh giá năng lực thực hiện đếm khuẩn lạc
41.	TCVN 9330-2:2012 (ISO 14461-2:2005)	Sữa và sản phẩm sữa – Kiểm soát chất lượng trong phòng thử nghiệm vi sinh vật – Phần 2: Xác định độ tin cậy số đếm khuẩn lạc của các đĩa song song và các bước pha loãng liên tiếp
42.	TCVN 9331:2012 (ISO/TS 22117:2010)	Vi sinh vật thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Hướng dẫn và các yêu cầu cụ thể về thử nghiệm thành thạo thông qua so sánh liên phòng thử nghiệm
43.	TCVN 9332:2012 (ISO/TS 19036:2006)	Vi sinh vật thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Hướng dẫn ước lượng độ không đảm bảo đo đối với các phép phân tích định lượng
44.	TCVN 9333:2012 (AOAC 2007.01)	Thực phẩm – Xác định đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật bằng sắc ký khí khối phổ và sắc ký lỏng khối phổ hai lần – Phương pháp QuEChERS
45.	TCVN 11062: 2015 (AOAC 2008.07)	Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng Coenzym Q10 - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao - detector UV
46.	TCVN 11063: 2015 (AOAC 2008.03)	Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng Isoflavon - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao - detector UV
47.	TCVN 11064: 2015 (AOAC 2006.07)	Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng Flavonol Aglycon - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao
48.	TCVN 11065: 2015 (AOAC 2003.13)	Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng Ephedrine và Pseudoephedrine - Phương pháp sắc



		ký lỏng hiệu năng cao - detector UV
49.	TCVN 11066: 2015 (AOAC 2005.01)	Thực phẩm chức năng. Xác định hàm lượng glucosamine. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao sử dụng dẫn xuất FMOC-Su
50.	TCVN 11067: 2015 (AOAC 2005.07)	Thực phẩm chức năng. Xác định hàm lượng $\beta$ -caroten. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao pha đảo
51.	TCVN 11068: 2015 (AOAC 993.06)	Thực phẩm - Phát hiện độc tố Staphylococci (tụ cầu)

## 2. Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Bộ KH-CN xây dựng và ban hành

TT	Số hiệu	Tên TCVN
1	TCVN 12153:2018	Cá ngừ nguyên liệu
2	TCVN 11879:2018	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô đồng – Yêu cầu kỹ thuật
3	TCVN10684-2:2018	Cây công nghiệp lâu năm – Tiêu chuẩn cây giống, hạt giống. Phần 2: Cà phê.
4	TCVN10684-3:2018	Cây công nghiệp lâu năm – Cây giống, hạt giống Phần 3: Điều
5	TCVN 10684-4:2018	Cây công nghiệp lâu năm – Cây giống, hạt giống Phần 4: Hồ tiêu
6	TCVN 10684-5:2018	Cây công nghiệp lâu năm – Cây giống, hạt giống Phần 5. Cây dứa
7	TCVN 10684-6:2018	Cây công nghiệp lâu năm – Tiêu chuẩn cây giống, hạt giống. Phần 6: Chè.
8	TCVN 10684-7:2018	Cây công nghiệp lâu năm – Tiêu chuẩn cây giống, hạt giống. Phần 7: Cao su.
9	TCVN 8550:2018	Cây giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm - Phương pháp kiểm định
10	TCVN 12181:2018	Quy trình sản xuất hạt giống cây trồng tự thụ phấn
11	TCVN 12182:2018	Quy trình sản xuất hạt giống ngô lai
12	TCVN 9486:2018	Phân bón - Lấy mẫu
13	TCVN 12104:2018	Vi sinh vật phân giải xenlulo - Xác định hoạt độ xenlulaza
14	TCVN 12105:2018	Phân bón vi sinh vật - Lấy mẫu
15	TCVN 12242:2018	Giống cá vược ( <i>Lates calcarifer</i> Bloch, 1790) – Yêu cầu kỹ thuật
16	TCVN 12271-1:2018	Phần 1. Cá Tầm

17	TCVN 12271-2:2018	Phần 2. Cá hồi vân
18	TCVN 12195-2-1:2018	Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với nấm <i>Guignardia bidwellii</i> (Ellis) Viala & Ravaz
19	TCVN 12195-2-2:2018	Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật Phần 2-2 Yêu cầu cụ thể đối với nấm <i>Cryphonectria parasitica</i> (Murrill) Barr
20	TCVN 12195-2-3:2018	Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật Phần 2-3: Yêu cầu cụ thể đối với nấm <i>Claviceps africana</i> Frederickson, Mantle & De Milliano
21	TCVN 12195-2-4:2018	Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật Phần 2-4: Yêu cầu cụ thể đối với nấm <i>Ciborinia camelliae</i> Kohn
22	TCVN 12195-2-5:2018	Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật Phần 2-5: Yêu cầu cụ thể đối với nấm <i>Boeremia foveata</i> (Foister) Aveskamp, Gruyter & Verkley
23	TCVN 12195-2-6:2018	Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật Phần 2-6: Yêu cầu cụ thể đối với nấm <i>Phytophthora boehmeriae</i> Sawada
24	TCVN 12193-2-1:2018	Quy trình kiểm dịch sau nhập khẩu Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với củ giống và hạt giống cây trồng
25	TCVN 12194-2-1:2018	Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với tuyến trùng <i>Nacobbus aberrans</i> (Thorne) Thorne & Allen
26	TCVN 12194-2-2:2018	Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật Phần 2-2: Yêu cầu cụ thể đối với tuyến trùng <i>Aphelenchoides ritzemabosi</i> (Schwartz) Steiner & Buhner
27	TCVN 12194-2-3:2018	Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật Phần 2-3: Yêu cầu cụ thể đối với tuyến trùng <i>Ditylenchus angustus</i> (Butler) Filipjev
28	TCVN 12371-2-1:2018	Quy trình giám định vi khuẩn phytoplasma gây bệnh hại thực vật Phần 2-1. Yêu cầu cụ thể đối với virus <i>Plum pox virus</i>
29	TCVN 12371-2-2:2018	Quy trình giám định vi khuẩn phytoplasma gây bệnh hại thực vật Phần 2-2. Yêu cầu cụ thể đối với vi khuẩn <i>Xylella</i>

		<i>fastidiosa</i> Wells et al
30	TCVN 12372-2-1:2018	Quy trình giám định cỏ dại gây hại thực vật Phần 2-1. Yêu cầu cụ thể đối với tơ hồng <i>Cuscuta australis</i> R.Br và <i>Cuscuta chinensis</i> Lam
31	TCVN 9283:2018	Phân bón – Xác định Molipđen và sắt tổng số bằng phương pháp phổ hấp phụ nguyên tử ngọn lửa
32	TCVN 9284:2018	Phân bón- Xác định canxi tổng số bằng phương pháp phổ hấp phụ nguyên tử ngọn lửa
33	TCVN 9285:2018	Phân bón- Xác định Magie tổng số bằng phương pháp phổ hấp phụ nguyên tử ngọn lửa
34	TCVN 9286:2018	Phân bón- Xác định đồng tổng số bằng phương pháp phổ hấp phụ nguyên tử ngọn lửa
35	TCVN 9287:2018	Phân bón- Xác định Coban tổng số bằng phương pháp phổ hấp phụ nguyên tử ngọn lửa
36	TCVN 9290:2018	Phân bón- Xác định Chì tổng số bằng phương pháp phổ hấp phụ nguyên tử ngọn lửa và nhiệt điện (không ngọn lửa)
37	TCVN 9291:2018	Phân bón- Xác định Cadimi tổng số bằng phương pháp phổ hấp phụ nguyên tử nhiệt điện (không ngọn lửa)
38	TCVN 8685-20:2018	Quy trình kiểm nghiệm vắc xin - Phần 20: Vắc xin nhược độc phòng bệnh Newcastle;
39	TCVN 8685-21:2018	Quy trình kiểm nghiệm vắc xin - Phần 21:Vắc xin phòng bệnh đậu gà
40	TCVN 8685-22:2018	Quy trình kiểm nghiệm vắc xin - Phần 22: Vắc xin vô hoạt phòng bệnh tụ huyết trùng ở gia cầm
41	TCVN 8685-23:2018	Quy trình kiểm nghiệm vắc xin - Phần 23: Vắc xin vô hoạt phòng bệnh <i>Salmonella enteritidis</i> ở gà
42	TCVN 8685-24:2018	Quy trình kiểm nghiệm vắc xin - Phần 24: Vắc xin vô hoạt phòng bệnh <i>Salmonella typhimurium</i> ở gà
43	TCVN 8685-25:2018	Quy trình kiểm nghiệm vắc xin - Phần 25: Vắc xin phòng bệnh giả dại ở lợn
44	TCVN 8685-26:2018	Quy trình kiểm nghiệm vắc xin - Phần 26: Vắc xin nhược độc phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm ở gà
45	TCVN 8685-27:2018	Quy trình kiểm nghiệm vắc xin - Phần 27: Vắc xin nhược độc phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm ở gà.

46	TCVN 12284:2018	Mật ong - xác định dư lượng $\beta$ -lactam bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hai lần khối phổ LC-MS/MS
47	TCVN 12285:2018	Mật ong - xác định dư lượng tylosin và licomycin bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hai lần khối phổ LC-MS/MS
48	TCVN 12369:2018	Mía giống - Yêu cầu kỹ thuật
49	TCVN 12429-1:2018	Thịt mát - Phần I. Thịt lợn

### 3. Bộ Công thương phối hợp với Bộ KH&CN xây dựng và ban hành

TT	Số hiệu	Tên TCVN
1	TCVN 11856:2017	Chợ Kinh doanh thực phẩm

**PHỤ LỤC 2**  
**TÌNH HÌNH NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM NĂM 2017**

**Bảng 1: Số vụ, số mắc, số đi viện và tử vong do ngộ độc thực phẩm**

Chỉ số	Năm 2016	Năm 2017	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
Số vụ	174	148	-26 (14,9%)
Số mắc	4554	4087	-467 (10,3%)
Số đi viện	3978	3908	-70 (1,8%)
Số tử vong	12	24	+12 (100,0%)
Số vụ $\geq$ 30 người mắc	46	40	-6 (13,0%)
Vụ < 30 người mắc	128	108	-20 (15,6%)

**Bảng 2: Nguyên nhân trong các vụ ngộ độc thực phẩm**

Nguyên nhân	Năm 2016	Năm 2017	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
Vi sinh vật	76	60	-16
Hóa chất	3	04	+1
Độc tố tự nhiên	49	38	-11
Không xác định	46	46	0
Tổng	174	148	-26

**Bảng 3: Số vụ ngộ độc thực phẩm lớn ( $\geq$  30 người mắc)**

Chỉ số	Năm 2016	Năm 2017	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
Số vụ	46	40	-6 (13,0%)
Số mắc	3442	2979	-463 (13,5%)
Số đi viện	3002	2892	-110 (3,7%)
Số tử vong	0	13	+13

**Bảng 4: Số vụ ngộ độc thực phẩm <30 người mắc**

Chỉ số	Năm 2016	Năm 2017	So sánh tăng/giảm (Số lượng/người)
Số vụ	128	108	-20 (15,6%)
Số mắc	1112	1108	-4 (0,4%)

Số đi viện	976	1016	+40 (4,1%)
Số tử vong	12	11	-1 (8,3%)

**Bảng 5: So sánh vụ ngộ độc các vùng sinh thái**

TT	Vùng	Năm 2016	Năm 2017	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
1	Miền núi phía Bắc	61	44	-17
2	Đồng bằng Bắc Bộ	13	13	0
3	Bắc Trung Bộ	20	21	+1
4	Duyên hải Miền Trung	18	17	-1
5	Tây Nguyên	17	10	-7
6	Miền Đông Nam Bộ	18	15	-3
7	Đồng Bằng SCL	27	28	+1
Cộng		174	148	-26

**Bảng 6: Cơ sở nguyên nhân các vụ ngộ độc thực phẩm**

Cơ sở nguyên nhân	Năm 2016	Năm 2017	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
Bếp ăn gia đình	83	53	-30
Bếp ăn tập thể	37	30	-7
Nhà hàng, khách sạn	8	08	0
Đám cưới/ giỗ	16	14	-2
Thức ăn đường phố	9	10	+1
Bếp ăn trường học	7	11	+4
Khác	14	22	+8
Tổng	174	148	-26

**Bảng 7: Thực phẩm sử dụng trong các vụ ngộ độc thực phẩm**

Thực phẩm	Số vụ Năm 2016	Số vụ Năm 2017	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
Thủy sản	15	14	-1
Thịt và sản phẩm từ thịt	6	10	+4
Trứng và SP trứng	0	1	+1

Sữa và sản phẩm từ sữa	0	2	+2
Ngũ cốc và sản phẩm	1	1	0
Rau và sản phẩm rau	5	1	-4
Củ quả và sản phẩm	2	1	-1
Nấm	27	13	-14
Bánh, kẹo	6	6	0
Rượu	3	10	+7
Thực phẩm hỗn hợp	97	82	-15
Không rõ/ Khác	12	7	-5
<b>Tổng cộng</b>	<b>174</b>	<b>148</b>	<b>-26</b>

**Bảng 8: Triệu chứng trong các vụ ngộ độc thực phẩm**

<b>Thực phẩm</b>	<b>Tỷ lệ Năm 2016</b>	<b>Tỷ lệ Năm 2017</b>
Buồn nôn	75,3% (131/174)	82,4% (122/148)
Nôn	79,9% (139/174)	85,1% (126/148)
Đau bụng	79,9% (139/174)	79,7% (118/148)
Ỉa chảy	66,1% (115/174)	63,5% (94/148)
Đau đầu	37,9% (66/174)	44,6% (66/148)
Chóng mặt	31,6% (55/174)	37,2% (55/148)
Co giật	4,0% (7/174)	4,1% (6/148)
Liệt	0,6% (1/174)	0% (0/148)
Sốt	22,4% (39/174)	25,7% (38/148)
Khó thở	6,3% (11/174)	8,8% (13/148)
Tím tái	2,9% (5/174)	4,1% (6/148)
Khác	17,2% (30/174)	28,4% (42/148)

**Bảng 9: Nguyên nhân gây tử vong trong các vụ ngộ độc thực phẩm**

<b>Chỉ số</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)</b>
Rượu ngâm, rượu có hàm lượng Methanol cao	01	11	+10
Độc tố tự nhiên trong nấm	01	0	-1

Độc tố tự nhiên: cóc, cá nóc, sò biển, ốc biển...	09	10	+1
Hóa chất	0	0	0
Khác, chưa xác định	01	03	+2
Tổng	12	24	+12



## TÌNH HÌNH NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

**Bảng 1: Số vụ, số mắc, số đi viện và tử vong do ngộ độc thực phẩm**

Chỉ số	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2018	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
Số vụ	117	79	-38 (32,5%)
Số mắc	3283	1856	-1427 (43,5%)
Số đi viện	3127	1533	-1594 (51,0%)
Số tử vong	18	15	-3 (16,7%)
Số vụ $\geq$ 30 người mắc	31	14	-17 (54,8%)
Vụ < 30 người mắc	86	65	-21 (24,4%)

**Bảng 2: Nguyên nhân trong các vụ ngộ độc thực phẩm**

Nguyên nhân	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2018	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
Vi sinh vật	49	30	-19
Hóa chất	3	4	+1
Độc tố tự nhiên	28	15	-13
Không xác định	37	30	-7
<b>Tổng</b>	<b>117</b>	<b>79</b>	<b>-38</b>

**Bảng 3: Số vụ ngộ độc thực phẩm lớn ( $\geq$  30 người mắc)**

Chỉ số	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2018	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
Số vụ	31	14	-17 (54,8%)
Số mắc	2361	1146	-1215 (51,5%)
Số đi viện	2277	915	-1362 (59,8%)
Số tử vong	10	0	-10

**Bảng 4: Số vụ ngộ độc thực phẩm <30 người mắc**

Chỉ số	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2018	So sánh tăng/giảm (Số lượng/người)
Số vụ	86	65	-21 (24,4%)
Số mắc	922	710	-212 (23,0%)
Số đi viện	850	618	-232 (27,3%)
Số tử vong	8	15	+7 (87,5%)

**Bảng 5: So sánh vụ ngộ độc các vùng sinh thái**

TT	Vùng	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2018	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
1	Miền núi phía Bắc	33	27	-6
2	Đồng bằng Bắc Bộ	11	10	-1
3	Bắc Trung Bộ	20	9	-11
4	Duyên hải Miền Trung	12	10	-2
5	Tây Nguyên	6	5	-1
6	Miền Đông Nam Bộ	11	6	-5
7	Đồng Bằng SCL	24	12	-12
<b>Cộng</b>		<b>117</b>	<b>79</b>	<b>-38</b>

**Bảng 6: Cơ sở nguyên nhân các vụ ngộ độc thực phẩm**

Cơ sở nguyên nhân	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2018	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
Bếp ăn gia đình	46	31	-15
Bếp ăn tập thể	26	16	-10
Nhà hàng, khách sạn	7	5	-2
Đám cưới/ giỗ	11	10	-1
Thức ăn đường phố	7	2	-5
Bếp ăn trường học	7	4	-3
Khác	13	11	-2
<b>Tổng</b>	<b>117</b>	<b>79</b>	<b>-38</b>

**Bảng 7: Thực phẩm sử dụng trong các vụ ngộ độc thực phẩm**

Thực phẩm	Số vụ 9 tháng đầu năm 2017	Số vụ 9 tháng đầu năm 2018	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
Thủy sản	9	6	-3
Thịt và sản phẩm từ thịt	7	6	-1
Trứng và SP trứng	1	1	0
Sữa và sản phẩm từ sữa	1	1	0
Ngũ cốc và sản phẩm	1	0	-1
Rau và sản phẩm rau	1	2	1
Củ quả và sản phẩm	1	0	-1
Nấm	11	8	-3
Bánh, kẹo	3	0	-3
Rượu	9	7	-2
Thực phẩm hỗn hợp	68	45	-23
Không rõ/ Khác	5	3	-2
<b>Tổng cộng</b>	<b>117</b>	<b>79</b>	<b>-38</b>

**Bảng 8: Triệu chứng trong các vụ ngộ độc thực phẩm**

Thực phẩm	Tỷ lệ 9 tháng đầu năm 2017	Tỷ lệ 9 tháng đầu năm 2018
Buồn nôn	88,0% (103/117)	77,2% (61/79)
Nôn	89,7% (105/117)	87,3% (69/79)
Đau bụng	83,8% (98/117)	82,3% (65/79)
Ỉa chảy	69,2% (81/117)	68,4% (54/79)
Đau đầu	48,7% (57/117)	49,4% (39/79)
Chóng mặt	40,2% (47/117)	43,0% (34/79)
Co giật	3,4% (4/117)	5,1% (4/79)
Liệt	0% (0/117)	0% (0/79)
Sốt	27,4% (32/117)	35,4% (28/79)
Khó thở	8,5% (10/117)	7,6% (6/79)
Tím tái	2,6% (3/117)	3,8% (3/79)
Khác	26,5% (31/117)	24,1% (19/79)

**Bảng 9: Nguyên nhân gây tử vong trong các vụ ngộ độc thực phẩm**

Chỉ số	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2018	So sánh tăng/giảm (Số lượng/%)
Rượu ngâm, rượu có hàm lượng Methanol cao	11	10	-1
Độc tố tự nhiên trong nấm	0	3	+3
Độc tố tự nhiên: cóc, cá nóc, so biển, ốc biển...	7	2	-5
Hóa chất	0	0	0
Khác, chưa xác định	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>15</b>	<b>-3</b>

### PHỤ LỤC 3

#### Các vụ việc điển hình xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm trong 9 tháng đầu năm 2018

##### I. Các vụ việc đã xử lý:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hành vi vi phạm	Số tiền (VNĐ)
1.	Công ty TNHH Công nghệ phần mềm và quảng cáo trực tuyến Megaads	Tầng 3, số 1, ngõ 172 đường Nguyễn Tuân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Quảng cáo thực phẩm chức năng/thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Super B-complex, Collagen de happy, Biotin Nature made trên website: <a href="http://chiaki.vn">http://chiaki.vn</a> mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung trước khi thực hiện quảng cáo; Quảng cáo thực phẩm chức năng/thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Super B-complex trên website <a href="http://chiaki.vn">http://chiaki.vn</a> gây hiểu nhầm có tác dụng như thuốc chữa bệnh; Quảng cáo thực phẩm chức năng/thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Super B-complex trên website: <a href="http://chiaki.vn">http://chiaki.vn</a> dưới dạng liệt kê công dụng của từng thành phần của sản phẩm; Buôn bán 119 sản phẩm thực phẩm thuộc diện phải thực hiện công bố hợp quy, công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm mà không có giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy, giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm	<b>225.000.000</b>
2.	Công ty TNHH Đông Nam Dược Thiện Nhân Đường.	Phòng 401 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Quảng cáo các sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe Cao Ho Rồng Vàng và Thanh Khiết Hầu trên website <a href="http://thiennhanduong.com">thiennhanduong.com</a> mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung trước khi thực hiện quảng cáo; Quảng cáo các sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe Cao Ho Rồng Vàng và Thanh Khiết Hầu trên website <a href="http://thiennhanduong.com">thiennhanduong.com</a> dưới dạng liệt kê công dụng của từng thành phần sản phẩm; Quảng cáo các sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe Cao Ho Rồng Vàng và Thanh Khiết Hầu trên website <a href="http://thiennhanduong.com">thiennhanduong.com</a> gây hiểu nhầm có tác dụng như thuốc chữa bệnh	<b>135.000.000</b>
3.	Công ty Cổ phần phát triển thảo dược Việt	A13, Nơ 4 Khu đô thị mới Định Công,	Quảng cáo sản phẩm thực phẩm chức năng/ thực phẩm bảo vệ sức khỏe Hamomax trên website <a href="http://hamomax.vn">http://hamomax.vn</a> gây hiểu nhầm có tác	<b>100.000.000</b>

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hành vi vi phạm	Số tiền (VNĐ)
	Nam	Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	dụng như thuốc chữa bệnh; Quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe Hamomax trên website <a href="http://hamomax.vn">http://hamomax.vn</a> sử dụng hình ảnh, uy tín, thư tín của đơn vị, cơ sở y tế, nhân viên y tế, thư cảm ơn của bệnh nhân	
4.	Công ty TNHH dược mỹ phẩm Quyên Lara Việt Nam	Số nhà 54 Ngõ 25B, phố Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Hành vi 1: Sản xuất 02 sản phẩm thực phẩm chức năng/ thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Thảo dược tăng cân và Trà thảo dược giảm cân tan mỡ thuộc diện phải thực hiện công bố hợp quy, công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm mà không có giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy, giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm; Hành vi 2: Buôn bán 02 sản phẩm thực phẩm chức năng/ thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Thảo dược tăng cân và Trà thảo dược giảm cân tan mỡ thuộc diện phải thực hiện công bố hợp quy, công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm mà không có giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy, giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. Hành vi 3: Sản xuất 02 sản phẩm thực phẩm chức năng/ thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Thảo dược tăng cân và Trà thảo dược giảm cân tan mỡ mà không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định	100.000.000
5.	Công ty TNHH thực phẩm VINA	315 Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	Hành vi 1: Quảng cáo 04 sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Viên nang Mát gan thông mật, Viên nang bổ thận, Viên nang Đau nhức toàn thân – thần kinh tọa, Viên nang Bao tử đại tràng trên website <a href="http://danglai.com.vn">danglai.com.vn</a> mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung trước khi thực hiện quảng cáo; Hành vi 2: Quảng cáo 04 sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Viên nang Mát gan thông mật, Viên nang bổ thận, Viên nang Đau nhức toàn thân – thần kinh tọa, Viên nang Bao tử đại tràng trên website <a href="http://danglai.com.vn">danglai.com.vn</a> gây hiểu nhầm có tác dụng như thuốc chữa bệnh	85.000.000

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hành vi vi phạm	Số tiền (VNĐ)
6.	Công ty Cổ phần thế giới số	Tầng 8, toàn nhà Ngân hàng Nam Á, số 201-203 Cách Mạng Tháng 8, phường 04, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh	Quảng cáo sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe Kingsmen trên website <a href="http://kingsmen.vn">http://kingsmen.vn</a> mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung trước khi thực hiện quảng cáo; Quảng cáo sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe Kingsmen trên website <a href="http://kingsmen.vn">http://kingsmen.vn</a> dưới dạng liệt kê công dụng của từng thành phần của sản phẩm	85.000.000
7.	Công ty TNHH Đầu tư quốc tế Hoàn Mỹ	361 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo 03 sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe Nubest tall, Doctor Plus và Grow power trên các website <a href="http://www.tvbuy.vn">www.tvbuy.vn</a> , <a href="http://www.nubesttall.com">www.nubesttall.com</a> , <a href="http://www.doctorplus.vn">www.doctorplus.vn</a> , <a href="http://www.growpower.vn">www.growpower.vn</a> không phù hợp với một trong các tài liệu theo quy định (Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm đã được Cục An toàn thực phẩm xác nhận); Quảng cáo 03 sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe Nubest tall, Doctor Plus và Grow power trên các website <a href="http://www.tvbuy.vn">www.tvbuy.vn</a> , <a href="http://www.nubesttall.com">www.nubesttall.com</a> , <a href="http://www.doctorplus.vn">www.doctorplus.vn</a> , <a href="http://www.growpower.vn">www.growpower.vn</a> sử dụng hình ảnh, uy tín, thư tín của các đơn vị y tế, nhân viên y tế, thư cảm ơn của bệnh nhân để quảng cáo thực phẩm	75.000.000
8.	Công ty Cổ phần dược phẩm Nhật Nam	số 4 ngõ 346, phường Cổ Nhuế 2 Quận Bắc Từ Liêm	Quảng cáo 02 sản phẩm thực phẩm chức năng/thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Tiêu độc thanh nhiệt NP, Viên DONG CHUNG HA CHO trên website <a href="http://nhatnampharma.vn/">http://nhatnampharma.vn/</a> mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung trước khi thực hiện quảng cáo; Không duy trì việc kiểm nghiệm định kỳ theo quy định cho 05 sản phẩm thực phẩm chức năng/thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Tiêu độc thanh nhiệt NP, Viên 8B with Ginseng (Ginsenoside $\geq 10\text{mcg/viên}$ ); Viên Sắc xuân đơn, Prenatal +DHA250; Ocuvite lutein	60.000.000
9.	Công ty TNHH Dược	Tầng 1 và tầng 4, tòa	Quảng cáo sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe GastimunHP trên website	50.000.000

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hành vi vi phạm	Số tiền (VNĐ)
	phẩm Đông Đô.	nhà Home City, số 177, tổ 51 phố Trung Kính, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	<a href="https://gastimunhp.vn">https://gastimunhp.vn</a> sử dụng hình ảnh, uy tín, thư tín của đơn vị, cơ sở y tế, nhân viên y tế, thư cảm ơn của bệnh nhân để quảng cáo thực phẩm	
10.	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Tâm.	Số 6 ngõ 162 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội	Sử dụng hình ảnh, uy tín của đơn vị y tế, nhân viên y tế để quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe Truekidz ăn ngủ ngon trên website <a href="http://truekidz.vn">http://truekidz.vn</a>	50.000.000
11.	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại STS Việt Nam	Số 6 ngõ 5 đường Liên Mạc, phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Quảng cáo sản phẩm thực phẩm chức năng/thực phẩm bảo vệ sức khỏe Trường vương thượng bổ trên các website <a href="http://truongvuongthuongbo24h.com.vn">http://truongvuongthuongbo24h.com.vn</a> và <a href="http://truongvuongthuongbo.info.vn">http://truongvuongthuongbo.info.vn</a> gây hiểu nhầm có tác dụng như thuốc chữa bệnh	50.000.000
12.	Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Hoa Sen	Số 18 lô 10B khu ĐT Trung Yên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	Quảng cáo sản phẩm thực phẩm chức năng/thực phẩm bảo vệ sức khỏe Viên uống dưỡng tóc Green Hair Hoa Sen gây hiểu nhầm có tác dụng như thuốc chữa bệnh	50.000.000

## II. Các vụ việc đang xử lý:

STT	Tên công ty	Cơ quan chủ trì	Vi phạm	Hình thức xử lý	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thiết bị y tế	Cục ATTP +C49	-Sản xuất, kinh doanh TPBVSK giảm cân có chứa sibutramin;	Tạm dừng lưu thông 01 lô sản phẩm	Đang trong quá trình xử lý tiếp Dự kiến xử

	Bình Minh		- Vi phạm về quảng cáo TPBVSK		phạt: 160.000.000đ
2	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hoàng ZN	Cục ATTP + C46	- Sản xuất sản phẩm TPBVSK không công bố theo quy định. - 01 sản phẩm TPBVSK có chứa sibutramin; giá trị hàng hóa vi phạm: 492.000.000đ	Tạm dừng lưu thông 03 lô sản phẩm	Đang trong quá trình xử lý tiếp
3	Công ty Cổ phần Y dược Trương Trọng Cảnh	Cục ATTP	- Điều kiện sản xuất không đáp ứng quy định về ATTP; - Vi phạm về quảng cáo TPBVSK	Tạm dừng sản xuất TPBVSK	Đang trong quá trình xử lý tiếp
4	Công ty TNHH Dược phẩm Trung Hàn	Cục ATTP	Sản xuất TPBVSK vi phạm về chất lượng (chỉ tiêu $\leq 70\%$ )	-Tạm dừng lưu thông 01 lô sản phẩm -Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra	Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra
5	Công ty Cổ phần dược phẩm liên doanh Việt Pháp	Cục ATTP	Sản xuất TPBVSK vi phạm về chất lượng (chỉ tiêu $\leq 70\%$ )	-Tạm dừng lưu thông 01 lô sản phẩm -Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra.	Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra
6	Công ty TNHH Quảng Thái	Cục ATTP	Sản xuất TPBVSK vi phạm về chất lượng (chỉ tiêu $\leq 70\%$ ); giá trị hàng hóa vi phạm: 2.130.000 đ	-Tạm dừng lưu thông 01 lô sản phẩm, ra quyết định thu hồi lô sản phẩm. -Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra	Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra
7	Công ty Cổ phần thiết bị y tế Phú Hải	Cục ATTP	Nhập khẩu, buôn bán TPBVSK giảm cân chứa sibutramin, tổng giá trị hàng hóa vi phạm khoảng 500.000.000 đồng	Tạm dừng lưu thông 01 lô sản phẩm, ra quyết định thu hồi lô sản phẩm.	Đang trong quá trình xử lý tiếp
8	Công ty Cổ phần Dược phẩm Santex	Cục ATTP	Sản xuất, buôn bán TPBVSK vi phạm về chất lượng (chỉ tiêu $\leq 70\%$ ), tổng	-Tạm dừng lưu thông 01 lô sản phẩm, ra quyết định thu hồi lô sản	Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra



			giá trị hàng hóa vi phạm khoảng trên 20.000.000 đ	phẩm. -Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra	
9	Công ty TNHH Dược phẩm Fusi	Cục ATTP	Sản xuất TPBVSK vi phạm về chất lượng, tổng giá trị hàng hóa vi phạm khoảng 9.691.980đ	Tạm dừng lưu thông 01 lô sản phẩm, ra quyết định thu hồi lô sản phẩm.	Đang trong quá trình xử lý tiếp
10	Công ty Cổ phần thiết bị y tế Thịnh An	Cục ATTP	Bán TPBVSK vi phạm về chất lượng, tổng giá trị hàng hóa vi phạm khoảng 9.691.980đ	Tạm dừng lưu thông 01 lô sản phẩm, ra quyết định thu hồi lô sản phẩm.	Đang trong quá trình xử lý tiếp
11	Công ty CP Phát triển công nghệ Đông Nam Dược	Cục ATTP	Thay đổi địa chỉ kinh doanh nhưng không thực hiện thông báo thay đổi địa chỉ.	Thu hồi 13 Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm	Đang chờ kết quả kiểm nghiệm và xử lý tiếp
12	Công ty TNHH kinh doanh thương mại và Dược phẩm Hà Thanh	Cục ATTP	- Sản xuất 02 sản phẩm TPBVSK không công bố sản phẩm theo quy định. - Điều kiện sản xuất không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm	- Chi cục QLTT Hà Nội xử lý hành vi sản xuất TPBVSK không công bố; - Cục ATTP thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Đang trong quá trình xử lý tiếp